

BAN TUYÊN GIÁO THÀNH ỦY ĐÀ NẴNG

**HỌC TẬP VÀ LÀM THEO TƯ TƯỞNG,  
ĐẠO ĐỨC, PHONG CÁCH HỒ CHÍ MINH**  
**VỀ THỰC HIỆN TIẾN BỘ, CÔNG BẰNG XÃ HỘI;  
CHÚ TRỌNG BỒI DƯỠNG SỨC DÂN, KHÔNG NGỪNG  
NÂNG CAO ĐỜI SỐNG VẬT CHẤT, TINH THẦN CỦA  
NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

*(Tài liệu sinh hoạt chi bộ, đoàn thể,  
cơ quan, đơn vị năm 2025)*



NHÀ XUẤT BẢN THÔNG TẤN

**Chỉ đạo nội dung**  
BAN THƯỜNG VỤ THÀNH ỦY ĐÀ NẴNG

**Tổ chức biên soạn**  
BAN TUYÊN GIÁO THÀNH ỦY ĐÀ NẴNG

**Mọi góp ý, trao đổi, xin gửi về:**  
Phòng Lý luận chính trị, Lịch sử Đảng,  
Ban Tuyên giáo Thành ủy Đà Nẵng  
Số điện thoại: 02363.519.017  
Email: bantuyengiao@danang.gov.vn

## LỜI GIỚI THIỆU

Tiến bộ, công bằng xã hội là mục tiêu, là động lực của phát triển bền vững đất nước, thể hiện bản chất tốt đẹp, nhân văn của chế độ xã hội chủ nghĩa mà Đảng, Nhà nước và Nhân dân ta đã và đang xây dựng. Việc thực hiện tốt tiến bộ, công bằng xã hội cũng góp phần bổ sung lý luận chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam hiện nay.

Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn khẳng định: công bằng, bình đẳng, tự do là giá trị đích thực của độc lập, là thước đo cao nhất những thành tựu đạt được trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội. Người cho rằng tiến bộ, công bằng xã hội với cốt lõi là công bằng về quyền lợi và nghĩa vụ,

công bằng về cơ hội phát triển, mà thực chất là bình đẳng về quyền lợi và nghĩa vụ, là một mục tiêu của sự nghiệp xây dựng chế độ xã hội mới.

Về công tác chăm lo đời sống Nhân dân, Chủ tịch Hồ Chí Minh cho rằng “Muốn kháng chiến thành công thì phải có sức dân, lòng dân. Muốn có sức dân, lòng dân thì phải chăm lo đời sống của dân”. Sau khi nước nhà đã giành được độc lập, với cương vị là Chủ tịch nước, Người hết sức chú trọng nhiệm vụ kiến quốc, chăm lo đời sống Nhân dân. Trước lúc đi xa, Người còn căn dặn: *“Đảng cần phải có kế hoạch thật tốt để phát triển kinh tế và văn hóa, nhằm không ngừng nâng cao đời sống của nhân dân”*.

Thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội được Đảng ta xem là một chủ trương lớn, thể hiện bản chất tốt đẹp của chế độ xã hội chủ nghĩa trong tiến trình cách mạng

Việt Nam, vừa là mục tiêu, nhiệm vụ trong thực tiễn, vừa là động lực then chốt của sự phát triển; bảo đảm mọi thành viên xã hội được hưởng thụ tương xứng với những kết quả đóng góp trong lao động, cũng như kiến tạo sự bình đẳng trong tiếp cận các cơ hội, nguồn lực để mỗi cá nhân có thể phát triển. Tiến bộ, công bằng xã hội, do đó, là trụ cột của sự phát triển bền vững.

Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh trong thực hiện công bằng xã hội ở Việt Nam, Đảng ta có nhiều chủ trương, chính sách về phát triển kinh tế - xã hội, luôn hướng tới mục tiêu không ngừng nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của Nhân dân. Đời sống Nhân dân tiếp tục được cải thiện; phát triển văn hóa, thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội đạt được những kết quả tích cực; công tác bảo vệ, chăm sóc sức khỏe Nhân dân được chú trọng...

Thực hiện Kết luận số 01-KL/TW ngày 18/5/2021 của Bộ Chính trị khóa XIII về tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 05-CT/TW ngày 15/5/2016 của Bộ Chính trị khóa XII về “Đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh”; căn cứ các văn bản chỉ đạo của Ban Tuyên giáo Trung ương và Kế hoạch số 48-KH/TU ngày 15/02/2022 của Ban Thường vụ Thành ủy về xây dựng chuyên đề hằng năm về “Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh” từ năm 2022 đến năm 2025; đồng thời triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội lần thứ XXII Đảng bộ thành phố, Ban Tuyên giáo Thành ủy Đà Nẵng tổ chức nghiên cứu, biên soạn và ấn hành Chuyên đề năm 2025 với chủ đề **“Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh về thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội; chú trọng bồi dưỡng**

***sức dân, không ngừng nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân thành phố Đà Nẵng***” làm tài liệu sử dụng trong tổ chức học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh của toàn Đảng bộ và nhân dân thành phố Đà Nẵng.

Chuyên đề có ý nghĩa định hướng và được sử dụng trong học tập, sinh hoạt chi bộ, đoàn thể, cơ quan, đơn vị của hệ thống chính trị và được tuyên truyền rộng rãi trong nhân dân thành phố Đà Nẵng. Nội dung tài liệu gồm hai phần chính:

Phần thứ nhất: Tư tưởng Hồ Chí Minh về thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội và chăm lo đời sống Nhân dân.

Phần thứ hai: Vận dụng tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh về thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội; chú trọng bồi dưỡng sức dân, không ngừng nâng

cao đòi sống vật chất, tinh thần của nhân dân thành phố Đà Nẵng.

Trong quá trình biên soạn tài liệu này sẽ khó tránh khỏi những thiếu sót nhất định, rất mong nhận được ý kiến đóng góp của các đồng chí và quý bạn đọc!

**BAN TUYÊN GIÁO  
THÀNH ỦY ĐÀ NẴNG**



## Phần thứ nhất

# **TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ THỰC HIỆN TIẾN BỘ, CÔNG BẰNG XÃ HỘI VÀ CHĂM LO ĐỜI SỐNG NHÂN DÂN**

## **I. TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ THỰC HIỆN TIẾN BỘ, CÔNG BẰNG XÃ HỘI**

Tư tưởng Hồ Chí Minh là một hệ thống quan điểm toàn diện và sâu sắc về những vấn đề cơ bản của cách mạng Việt Nam. Đó là tư tưởng về độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội với nội dung cốt lõi là giải phóng dân tộc, giải phóng xã hội, giải phóng giai cấp, giải phóng con người, đem đến tiến bộ và công bằng xã hội.

## **1. Độc lập dân tộc mới có tiến bộ, công bằng xã hội**

Hồ Chí Minh khát khao cháy bỏng tìm ra con đường đấu tranh cách mạng phù hợp để giành độc lập cho dân tộc, đưa đất nước thoát khỏi sự thống trị của chủ nghĩa thực dân, xây dựng cuộc sống hòa bình, ấm no thực sự cho Nhân dân. Qua những năm tháng bôn ba, trải nghiệm ở nhiều quốc gia và châu lục, Người nhận thức rằng, ở bất cứ nơi đâu cũng tồn tại sự bất công, sự thống trị, áp bức bóc lột của giai cấp thống trị và nỗi thống khổ của người dân lao động, nhất là ở các nước thuộc địa.

Vượt lên những nhà yêu nước tiền bối, đồng thời đứng vững trên lập trường mácxít, Chủ tịch Hồ Chí Minh nhận thức và chỉ rõ nguyên nhân: *“Vì đâu có nỗi chẳng công bằng này? Vì một số ít người đã chiếm làm tư hữu những tư liệu sản*

*xuất của xã hội*”<sup>1</sup> và dùng nó để chiếm đoạt công sức lao động của người khác. Do vậy, để có cuộc sống hạnh phúc cho Nhân dân, các nước thuộc địa phải giành độc lập, tự do và xây dựng xã hội mới mà người dân có quyền làm chủ về mọi mặt của đời sống xã hội, được nắm quyền sở hữu tư liệu sản xuất, và đó chính là xã hội xã hội chủ nghĩa.

Chúng kiến Cách mạng Tháng Mười Nga (năm 1917) thắng lợi vĩ đại và những thành quả giai đoạn đầu xây dựng chủ nghĩa xã hội của nước Nga Xô-Viết, Chủ tịch Hồ Chí Minh đi đến kết luận quan trọng: *“Chỉ có chủ nghĩa cộng sản mới cứu nhân loại, đem lại cho mọi người không phân biệt chủng tộc và nguồn gốc sự tự do, bình đẳng, bác ái, đoàn kết, ấm no trên quả đất, việc làm cho mọi người và vì mọi*

---

<sup>1</sup> Hồ Chí Minh Toàn tập, NXB Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2011, tập 8, tr.247.

*người, niềm vui, hòa bình, hạnh phúc, nói tóm lại là nền cộng hòa thế giới chân chính, xóa bỏ những biên giới tư bản chủ nghĩa cho đến nay chỉ là những vách tường dài ngăn cản những người lao động trên thế giới hiểu nhau và yêu thương nhau”<sup>1</sup>.*

Trong tư tưởng Hồ Chí Minh, mục tiêu đấu tranh giành độc lập dân tộc, giải phóng xã hội, giải phóng giai cấp, giải phóng và phát triển con người ngày càng toàn diện, với hệ giá trị về bình đẳng, tự do và dân chủ, chính là tiền đề của công lý, của công bằng xã hội, mà cốt lõi là công bằng về cơ hội phát triển. Người đã nói một cách sâu sắc về ham muốn, mục tiêu cách mạng của mình: *“Tôi chỉ có một sự ham muốn, ham muốn tột bậc, là làm sao cho nước ta được hoàn toàn độc lập, dân ta được hoàn toàn tự do, đồng*

---

<sup>1</sup> Hồ Chí Minh Toàn tập, NXB Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2011, tập 1, tr.496.

*bào ai cũng có cơm ăn áo mặc, ai cũng được học hành”<sup>1</sup>. Trên cơ sở tiếp thu, vận dụng và phát triển chủ nghĩa Mác - Lênin vào điều kiện thực tiễn Việt Nam trong thời kỳ đấu tranh, giải phóng dân tộc, Chủ tịch Hồ Chí Minh một lần nữa khẳng định: “Chỉ có giải phóng giai cấp vô sản thì mới giải phóng được dân tộc; cả hai cuộc giải phóng này chỉ có thể là sự nghiệp của chủ nghĩa cộng sản và của cách mạng thế giới”<sup>2</sup>; và “Chính nhờ cuộc cách mạng này mà cơ sở của quyền tự do chân chính và quyền bình đẳng thực sự đã được đặt ra cho loài người”<sup>3</sup>.*

Tư tưởng Hồ Chí Minh về công bằng xã hội được hình thành và phát triển

---

<sup>1</sup> Hồ Chí Minh Toàn tập, NXB Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2011, tập 4, tr.187.

<sup>2</sup> Hồ Chí Minh Toàn tập, NXB Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2011, tập 1, tr.441.

<sup>3</sup> Hồ Chí Minh Toàn tập, NXB Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2011, tập 2, tr.7.

gắn liền với mục tiêu giải phóng dân tộc, giành lại cho dân tộc Việt Nam quyền sống đích thực của con người; đồng thời, góp phần cùng nhân loại tiến bộ trong cuộc đấu tranh vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ, tự do, bình đẳng và tiến bộ của cả xã hội loài người. Bởi vậy, tư tưởng Hồ Chí Minh về công bằng xã hội, mà cốt lõi là quan điểm công bằng về cơ hội phát triển, không chỉ là tiền đề tạo ra cơ hội và động lực phát triển cho mỗi con người, mà cho cả dân tộc Việt Nam nói riêng, các dân tộc thế giới nói chung. Chủ tịch Hồ Chí Minh từng nhấn mạnh: *“Chẳng những Việt Nam phải đấu tranh giành lấy độc lập dân tộc cho chính mình, mà còn phải gánh vác trách nhiệm một phần trong sự nghiệp mưu cầu hòa bình cho toàn thế giới”*<sup>1</sup>. Người đã khái quát thành chân lý

---

<sup>1</sup> Hồ Chí Minh Toàn tập, NXB Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2011, tập 3, tr.643.

bất hủ về quyền cơ bản của các dân tộc trong *Tuyên ngôn độc lập* của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa: “*Tất cả các dân tộc trên thế giới đều sinh ra bình đẳng; dân tộc nào cũng có quyền sống, quyền sung sướng và quyền tự do*”<sup>1</sup>.

Từ những đánh giá trên, Chủ tịch Hồ Chí Minh đưa ra nhận định, công bằng xã hội mà cốt lõi là công bằng về cơ hội phát triển với hệ giá trị về bình đẳng, tự do và dân chủ, thực sự chỉ có được trong chế độ xã hội mới dưới chế độ dân chủ cộng hòa. Người cho rằng: “*Nhân dân có nghĩa vụ, đồng thời có quyền lợi*”<sup>2</sup>. Trong điều kiện sau khi giành được độc lập, Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn nhấn mạnh: “*Nước ta là nước dân chủ. Bao nhiêu lợi ích đều vì dân. Bao nhiêu quyền hạn đều của*

---

<sup>1</sup> Hồ Chí Minh Toàn tập, NXB Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2011, tập 4, tr.1.

<sup>2</sup> Hồ Chí Minh Toàn tập, NXB Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2011, tập 8, tr.264.

dân”<sup>1</sup>; “Nhà nước ta ngày nay là của tất cả những người lao động. Vậy công nhân, nông dân, trí thức cách mạng cần nhận rõ rằng: Hiện nay, nhân dân lao động ta là những người làm chủ nước ta, chứ không phải là những người làm thuê cho giai cấp bóc lột như thời cũ nữa. Chúng ta có quyền và có đủ điều kiện để tự tay mình xây dựng đời sống tự do, hạnh phúc cho mình. Nhân dân lao động là những người chủ tập thể của tất cả những của cải vật chất và văn hóa, đều bình đẳng về quyền lợi và nghĩa vụ”<sup>2</sup>.

Nói cách khác, theo tư tưởng của Chủ tịch Hồ Chí Minh, hệ giá trị về mục tiêu giải phóng con người, mà trước hết là giành độc lập, tự do, dân chủ và hạnh phúc cho Nhân dân, chính là mục tiêu,

---

<sup>1</sup> Hồ Chí Minh Toàn tập, NXB Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2011, tập 6, tr.232.

<sup>2</sup> Hồ Chí Minh Toàn tập, NXB Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2011, tập 3, tr.66.



tiền đề của công bằng xã hội với nội dung cốt lõi là công bằng về cơ hội phát triển. Đây cũng chính là điều kiện tiên quyết để mỗi con người được làm chủ vận mệnh của mình. Khi đất nước giành được độc lập, trên tinh thần của bản Hiến pháp đầu tiên trong lịch sử nước nhà, Chủ tịch Hồ Chí Minh một lần nữa khẳng định: “*Chính phủ cố gắng làm theo đúng ba chính sách: Dân sinh, Dân quyền và Dân tộc*”<sup>1</sup>. Đó là xã hội mà Nhân dân ngày càng sung sướng, hạnh phúc, ai nấy được đi học, ốm đau có thuốc, già không lao động thì được nghỉ, những phong tục, tập quán không tốt dần dần được xóa bỏ; là xã hội ngày càng tiến bộ, vật chất ngày càng tăng, tinh thần ngày càng tốt. Một xã hội như vậy chỉ có thể là xã hội xã hội chủ nghĩa.

---

<sup>1</sup> Hồ Chí Minh Toàn tập, NXB Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2011, tập 4, tr.491.

Như vậy, trong tư tưởng Hồ Chí Minh, công bằng về cơ hội phát triển chính là nội dung cốt lõi của công bằng xã hội, của giá trị bình đẳng, tự do, dân chủ và hạnh phúc cho mỗi người dân, đồng thời là điều kiện và tiền đề của động lực và mục tiêu giành độc lập dân tộc, giải phóng và phát triển ngày càng toàn diện cho mỗi con người; qua đó cũng góp phần cùng nhân loại tiến bộ trong cuộc đấu tranh vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ, tự do, bình đẳng và tiến bộ của cả xã hội loài người.

## **2. Tư tưởng Hồ Chí Minh về tiến bộ công bằng xã hội trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội**

Theo Hồ Chí Minh: “*Mục đích của chủ nghĩa xã hội là không ngừng nâng cao mức sống của nhân dân*”<sup>1</sup>, Người nói: “*Mục đích của chủ nghĩa xã hội là gì? Nói một*

---

<sup>1</sup> Hồ Chí Minh Toàn tập, NXB Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2011, tập.12, tr.604.

*cách giản đơn và dễ hiểu là: Không ngừng nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân, trước hết là nhân dân lao động*<sup>1</sup>. Người diễn giải mục tiêu của chủ nghĩa xã hội qua các tiêu chí cụ thể: “*Chủ nghĩa xã hội là làm sao cho nhân dân đủ ăn, đủ mặc, ngày càng sung sướng, ai nấy được đi học, ốm đau có thuốc, già không lao động được thì nghỉ, những phong tục tập quán không tốt dần dần được xóa bỏ... Tóm lại, xã hội ngày càng tiến, vật chất ngày càng tăng, tinh thần ngày càng tốt, đó là chủ nghĩa xã hội*”<sup>2</sup>.

Khi nói đến công bằng xã hội, Chủ tịch Hồ Chí Minh thường gắn với bình đẳng xã hội, mà trước hết là “*bình đẳng về quyền lợi và nghĩa vụ*”; song, bình đẳng về quyền lợi và nghĩa vụ thực chất

---

<sup>1</sup> Hồ Chí Minh Toàn tập, NXB Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2011, tập.13, tr.30.

<sup>2</sup> Hồ Chí Minh Toàn tập, NXB Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2011, tập.13, tr. 438.

là công bằng về cơ hội phát triển. Với quan niệm như vậy, Người yêu cầu tất cả những người lao động ngày nay đều phải nhận thức rõ mình là người chủ nước nhà và đã có quyền hạn làm chủ, thì phải làm trọn nghĩa vụ của người chủ - đó là cần, kiệm, xây dựng nước nhà, xây dựng chủ nghĩa xã hội, nhằm mục đích không ngừng nâng cao đời sống vật chất và văn hóa của Nhân dân, trước hết là của nhân dân lao động.

Chủ tịch Hồ Chí Minh quan niệm việc thực hiện sự bình đẳng giữa người với người trong mối quan hệ giữa thực hiện nghĩa vụ và hưởng thụ quyền lợi ấy lại chính là thực hiện công bằng về cơ hội phát triển. Việc thực hiện một chế độ phân phối công bằng, theo quan niệm của Người, chính là thực hiện nguyên tắc phân phối; trong đó, phần hưởng thụ ngang bằng với mức độ đóng góp, cống

hiến của từng cá nhân, chứ hoàn toàn không phải là sự ngang bằng về hưởng thụ giữa các cá nhân, mà không tính đến sự cống hiến của từng người.

Chủ tịch Hồ Chí Minh nhấn mạnh tiến bộ, công bằng xã hội với cốt lõi là công bằng về quyền lợi và nghĩa vụ, công bằng về cơ hội phát triển, mà thực chất là bình đẳng về quyền lợi và nghĩa vụ, là một mục tiêu của sự nghiệp xây dựng chế độ xã hội mới. Người nói khái quát nhưng sâu sắc: *“Nước ta là một nước thống nhất gồm nhiều dân tộc. Các dân tộc sống trên đất nước Việt Nam đều bình đẳng về quyền lợi và nghĩa vụ”*<sup>1</sup>; *“chủ nghĩa xã hội là lấy nhà máy, xe lửa, ngân hàng... làm của chung. Ai làm nhiều thì ăn nhiều, ai làm ít thì ăn ít, ai không làm thì không ăn, tất nhiên là trừ những người già cả, đau*

---

<sup>1</sup> Hồ Chí Minh Toàn tập, NXB Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2011, tập 2, tr.37.

*yếu và trẻ con. Thế ta đã đến đây chưa? Chưa đến. Chủ nghĩa xã hội không thể làm mau được mà phải làm dần dần*"<sup>1</sup>. Ở đây, Người nhấn mạnh sự “ngang bằng” về địa vị làm chủ nước nhà, làm chủ tư liệu sản xuất của mỗi người, là cơ hội phát triển của mỗi người do chế độ xã hội mới tạo ra, bảo đảm cho mỗi người đều có thể phát huy mọi khả năng của mình để cùng vươn tới một cuộc sống ấm no, hạnh phúc. Người yêu cầu tất cả những người lao động phải nhận thức rõ mình là người chủ nước nhà và đã có quyền hạn làm chủ, thì phải *làm trọn nghĩa vụ của người chủ* - đó là cần, kiệm, xây dựng nước nhà, xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Trong quá trình đó, Chủ tịch Hồ Chí Minh nhấn mạnh phát huy tinh thần đồng cam cộng khổ, đùm bọc, tương thân

---

<sup>1</sup> Hồ Chí Minh Toàn tập, NXB Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2011, tập 12, tr.371.

tương ái, đoàn kết, hợp tác vì mục tiêu xây dựng cuộc sống ấm no, hạnh phúc; kiên quyết chống lại sự đồng nhất tinh thần đồng cam cộng khổ với chủ nghĩa bình quân. Người nói: *“Đồng cam cộng khổ là một tinh thần cần phải có, nhưng nếu bình quân chủ nghĩa thì lại không đúng. Bình quân chủ nghĩa là gì? Là ai cũng như ai, bằng hết. Ví dụ như Bác yếu chỉ ăn ba bát cơm, chú khỏe cần nhiều hơn mà cũng ăn ba bát, chú lùn cũng đòi may áo dài, Bác cao hơn cũng mặc áo dài như chú. Bình quân chủ nghĩa là trái chủ nghĩa xã hội, thế là không đúng”*<sup>1</sup>.

Những chỉ dẫn của Chủ tịch Hồ Chí Minh trong việc thực hiện công bằng xã hội với cốt lõi ở việc thực hiện công bằng về cơ hội phát triển thông qua việc phát huy cao nhất khả năng, sức mạnh của

---

<sup>1</sup> Hồ Chí Minh Toàn tập, NXB Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2011, tập 10, tr.583.

mỗi người, cùng tham gia xây dựng một cuộc sống mới, từng bước vươn tới xã hội cộng sản - một xã hội trong đó *“Mọi người làm hết tài năng; ai cần dùng gì có lấy”*<sup>1</sup>.

Theo Chủ tịch Hồ Chí Minh, công bằng xã hội là một đặc trưng cơ bản, là mục tiêu và động lực của sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và xây dựng chủ nghĩa xã hội là phương thức và điều kiện tất yếu để thực hiện công bằng xã hội. Người đã nói rằng *“Chỉ có chủ nghĩa cộng sản mới cứu nhân loại, đem lại cho mọi người không phân biệt chủng tộc và nguồn gốc tự do, bình đẳng, bác ái, đoàn kết, ấm no trên quả đất, việc làm cho mọi người và vì mọi người, niềm vui, hòa bình và hạnh phúc”*<sup>2</sup>. Công bằng xã hội là việc giải quyết quan hệ phù hợp giữa quyền lợi và nghĩa

---

<sup>1</sup> Hồ Chí Minh Toàn tập, NXB Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2011, tập 8, tr.291.

<sup>2</sup> Hồ Chí Minh Toàn tập, NXB Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2011, tập 1, tr.496.



vụ, giữa cống hiến và hưởng thụ, nguyên tắc phân phối thực hiện công bằng xã hội chính là nguyên tắc phân phối theo lao động. Để bảo đảm công bằng trong phân phối, Hồ Chí Minh còn luôn nhắc nhở tránh phân phối bình quân: *“Phân phối phải theo mức lao động, lao động nhiều thì được phân phối nhiều, lao động ít thì được phân phối ít. Lao động khó thì được phân phối nhiều, lao động dễ thì được phân phối ít”*<sup>1</sup>. Nguyên tắc phân phối này là điều kiện để bảo đảm cho mọi người có thể phát huy tối đa năng lực cống hiến cho xã hội mà trước tiên là cho bản thân và gia đình. Thực hiện phân phối công bằng sẽ khơi nguồn hứng khởi, kích thích tính sáng tạo của người lao động, giúp họ luôn hăng say, tích cực tạo ra nhiều của cải vật chất và tinh thần cho xã hội. Việc thực hiện công bằng xã hội tạo nên sự hài hòa,

---

<sup>1</sup> Hồ Chí Minh Toàn tập, NXB Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2011, tập 13, tr.216.

thống nhất trong tương quan lợi ích, quy tụ lòng người; tạo nên sự đồng thuận xã hội cùng hướng tới mục tiêu chung là xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa.

Đề cao công bằng xã hội, Chủ tịch Hồ Chí Minh cũng phê phán tư tưởng cào bằng, bình quân chủ nghĩa. Theo Người, bình quân chủ nghĩa sẽ triệt tiêu động lực đối với sự phát triển kinh tế - xã hội, trái với bản chất của chủ nghĩa xã hội: *“Không nên có tình trạng người giỏi, người kém, việc khó, việc dễ cũng cộng điểm như nhau. Đó là chủ nghĩa bình quân. Phải tránh chủ nghĩa bình quân”*<sup>1</sup>. Để thực hiện công bằng xã hội, Hồ Chí Minh cho rằng: *“Phải ra sức phát triển sản xuất và thực hành tiết kiệm, lại phải phân phối cho công bằng, hợp lý, từng bước cải thiện việc ăn, mặc,*

---

<sup>1</sup> Hồ Chí Minh Toàn tập, NXB Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2011, tập 13, tr.216.

*ở, học, phục vụ sức khỏe và giải trí cho nhân dân”<sup>1</sup>.*

Mặt khác, theo Người, thực hiện công bằng xã hội ở Việt Nam phải có sự quan tâm đặc biệt các đối tượng có công với cách mạng để họ có cuộc sống ổn định. Trong Di chúc, Người căn dặn, sau khi giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước: *“Đối với những người dũng cảm hy sinh một phần xương máu của mình (cán bộ, binh sĩ, dân quân, du kích, thanh niên xung phong...), Đảng, Chính phủ và đồng bào phải tìm cách lo cho họ có nơi ăn chốn ở yên ổn, đồng thời phải mở những lớp dạy nghề thích hợp với mỗi người để họ có thể dần dần “tự lực cánh sinh”.* Người căn dặn quan tâm đến *“cha mẹ, vợ con (của thương binh và liệt sĩ) mà thiếu sức lao động và túng thiếu”, thì chính quyền*

---

<sup>1</sup> Hồ Chí Minh Toàn tập, NXB Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2000, tập 12, tr.482.

*địa phương phải giúp đỡ họ có công việc làm ăn thích hợp, quyết không để họ bị đói rét<sup>1</sup>; có kế hoạch thiết thực để bồi dưỡng, cất nhắc và giúp đỡ để ngày thêm nhiều phụ nữ phụ trách mọi công việc, kể cả công việc lãnh đạo. Công bằng xã hội cũng đòi hỏi phải giảm dần sự cách biệt giữa các vùng, miền trong cả nước, phải chú ý xem xét khi phân phối nguồn lực đầu tư cho các vùng sâu, vùng xa, vùng căn cứ cách mạng, nhằm giảm bớt sự mất cân đối giữa vùng phát triển và chậm phát triển.*

Tư tưởng Hồ Chí Minh về tiến bộ và công bằng xã hội trong xây dựng chủ nghĩa xã hội có giá trị khoa học và nhân bản sâu sắc, là sự kế thừa và phát triển những tư tưởng tiến bộ về công bằng xã hội, dưới ánh sáng thế giới quan phương

---

<sup>1</sup> Hồ Chí Minh Toàn tập, NXB Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2011, tập 15, tr.616.

pháp luận của chủ nghĩa Mác - Lênin và những giá trị căn cốt của truyền thống văn hóa và đạo lý dân tộc, có ý nghĩa lý luận và thực tiễn, là cơ sở, kim chỉ nam cho hoạt động cách mạng của toàn Đảng và toàn dân ta trong công cuộc xây dựng xã hội mới, công bằng, dân chủ, văn minh.

## **II. TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ CHĂM LO ĐỜI SỐNG NHÂN DÂN VÀ CHÚ TRỌNG BỒI DƯỠNG SỨC DÂN**

### **1. Tư tưởng Hồ Chí Minh về chăm lo đời sống Nhân dân**

Trong Bản Di chúc lịch sử, Chủ tịch Hồ Chí Minh căn dặn Đảng, Nhà nước và các đoàn thể chính trị - xã hội phải không ngừng chăm lo nâng cao đời sống Nhân dân. Đây là nỗi niềm trăn trở khôn nguôi của Người trong suốt cuộc đời hoạt động cách mạng đầy gian khổ, hy sinh mà vô cùng vĩ đại.

Sau ngày Cách mạng Tháng Tám thành công, nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ra đời, vấn đề nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của Nhân dân có điều kiện để hiện thực hóa. Ngày 03/9/1945, ngay trong phiên họp đầu tiên của Chính phủ cách mạng, Bác Hồ đã xác định 6 nhiệm vụ cấp bách của Chính phủ<sup>1</sup>. Đó thực chất chính là những biện pháp cấp bách nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của người dân, đặc biệt là những người lao động.

Một tháng sau đó, Chủ tịch Hồ Chí Minh chính thức dùng cụm từ “*nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của dân*” khi nhắc nhở các cán bộ trong chính

---

<sup>1</sup> (1) Giải quyết nạn đói; (2) xóa nạn mù chữ; (3) thực hiện tổng tuyển cử theo chế độ phổ thông đầu phiếu; (4) giáo dục lại Nhân dân bằng cách thực hiện CẦN, KIÊM, LIÊM, CHÍNH, xóa bỏ những tệ nạn xấu xa thời thực dân phong kiến để lại; (5) bỏ những thứ thuế vô nhân đạo, cấm hút thuốc phiện; (6) thực hiện tín ngưỡng tự do và lương giáo đoàn kết.

quyền cách mạng: “*Phải chú ý giải quyết hết các vấn đề dầu khó đến đâu mặc lòng, những vấn đề quan hệ tới đời sống của dân. Phải chấp đờn, phải xử kiện cho dân mỗi khi người ta đem tới. Phải chăm lo việc cứu tế nạn nhân cho chu đáo, phải chú ý trừ nạn mù chữ cho dân. Nói tóm lại, hết thảy những việc có thể nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của dân phải được ta đặc biệt chú ý*”<sup>1</sup>.

Chủ tịch Hồ Chí Minh cho rằng, sau khi đã tranh được độc lập rồi thì vấn đề kiến quốc là hết sức quan trọng. Vì vậy, cùng với chỉ đạo kháng chiến, Người tập trung vào nhiệm vụ kiến quốc. Kháng chiến và kiến quốc gắn bó chặt chẽ với nhau. Muốn kháng chiến thành công thì phải có sức dân, lòng dân. Muốn có sức dân, lòng dân thì phải chăm lo đời sống của dân.

---

<sup>1</sup> Hồ Chí Minh Toàn tập, NXB Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2011, tập 4, tr.51-52.

Trong bản Di chúc lịch sử, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã căn dặn: “*Nhân dân lao động ta ở miền xuôi cũng như miền núi, đã bao đời chịu đựng gian khổ, bị chế độ phong kiến và thực dân áp bức bóc lột, lại kinh qua nhiều năm chiến tranh. Tuy vậy, nhân dân ta rất anh hùng, dũng cảm, hăng hái, cần cù. Từ ngày có Đảng, nhân dân ta luôn luôn đi theo Đảng, rất trung thành với Đảng. Đảng cần phải có kế hoạch thật tốt để phát triển kinh tế và văn hóa, nhằm không ngừng nâng cao đời sống của Nhân dân*”. Cùng với đó, Nhà nước và các cấp chính quyền phải vừa dùng giáo dục, vừa dùng pháp luật để cải tạo và giúp “những nạn nhân của chế độ xã hội cũ, như trộm cắp, gái điếm, cờ bạc, buôn lậu... trở nên những người lao động lương thiện”; miễn thuế nông nghiệp một năm cho nông dân để đồng bào thêm niềm phấn khởi, đẩy mạnh sản xuất,... thể hiện chiều sâu tư tưởng Chủ



tịch Hồ Chí Minh về chăm lo đời sống Nhân dân.

Chủ tịch Hồ Chí Minh còn căn dặn Đảng, Nhà nước về kế hoạch xây dựng lại thành phố và làng mạc đẹp đẽ, đàng hoàng hơn trước chiến tranh; khôi phục và mở rộng các ngành kinh tế; phát triển công tác vệ sinh, y tế; sửa đổi chế độ giáo dục cho phù hợp với hoàn cảnh mới của Nhân dân; củng cố quốc phòng, chuẩn bị mọi việc để thống nhất Tổ quốc. Đặc biệt, Người còn đề cập đến một khối cư dân đông đảo, một đội quân cùng với giai cấp công nhân và đội ngũ trí thức làm nên cốt lõi và chủ lực của khối đại đoàn kết toàn dân tộc, đó là nông dân. Người viết: *“Trong bao năm kháng chiến chống thực dân Pháp, tiếp đến chống đế quốc Mỹ, đồng bào ta, nhất là đồng bào nông dân đã luôn luôn hết sức trung thành với Đảng và Chính phủ ta, ra sức góp của góp người, vui lòng*

*chịu đựng mọi khó khăn gian khổ. Nay ta đã hoàn toàn thắng lợi, tôi có ý đề nghị miễn thuế nông nghiệp 1 năm cho các hợp tác xã nông nghiệp để cho đồng bào hỉ hả, mát dạ, mát lòng, thêm niềm phấn khởi, đẩy mạnh sản xuất”<sup>1</sup>. Những công việc trên đây là: “rất to lớn, nặng nề, và phức tạp, mà cũng là rất vẻ vang. Đây là một cuộc chiến đấu chống lại những gì đã cũ kỹ, hư hỏng, để tạo ra những cái mới mẻ, tốt tươi. Để giành lấy thắng lợi trong cuộc chiến đấu khổng lồ này cần phải động viên toàn dân, tổ chức và giáo dục toàn dân, dựa vào lực lượng vĩ đại của toàn dân”<sup>2</sup>.*

Về tư cách người đảng viên, lãnh đạo, Người chỉ rõ: “Mỗi người đảng viên, mỗi người cán bộ từ trên xuống dưới đều phải hiểu rằng: *Mình vào Đảng để làm đày tớ*

---

<sup>1</sup> Hồ Chí Minh Toàn tập, NXB Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2011, tập 15, tr.617.

<sup>2</sup> Hồ Chí Minh Toàn tập, NXB Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2011, tập 15, tr.617.

*cho Nhân dân. Bác nhấn mạnh: Làm đầy tớ Nhân dân chứ không phải làm “quan” Nhân dân<sup>1</sup>, không ra lệnh, ra oai, không làm quan cách mạng. Quan điểm “mỗi đảng viên và cán bộ phải xứng đáng là người lãnh đạo, là người đầy tớ thật trung thành của Nhân dân” cần được hiểu đích cuối cùng là phục vụ Nhân dân. Bởi vì, “lãnh đạo là làm đầy tớ Nhân dân và phải làm cho tốt”<sup>2</sup>. Người giải thích chế độ dân chủ và Đảng lãnh đạo rất rõ ràng: “Chế độ ta là chế độ dân chủ, nghĩa là Nhân dân làm chủ. Đảng ta là Đảng lãnh đạo, nghĩa là tất cả các cán bộ, từ Trung ương, đến khu, đến tỉnh, đến huyện, đến xã, bất kỳ ở cấp nào và ngành nào - đều phải là người đầy tớ trung thành của Nhân dân”<sup>3</sup>.*

---

<sup>1</sup> Hồ Chí Minh Toàn tập, NXB Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2011, tập 15, tr.292.

<sup>2</sup> Hồ Chí Minh Toàn tập, NXB Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2011, tập 15, tr.292.

<sup>3</sup> Hồ Chí Minh Toàn tập, NXB Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2011, tập 13, tr.83-84.

Trên cơ sở thâm nhuần chủ nghĩa Mác - Lênin và truyền thống dân tộc, Bác Hồ chỉ rõ, toàn bộ sức mạnh là ở nơi dân. Không có lực lượng Nhân dân, thì việc nhỏ mấy, dễ mấy làm cũng không xong, có lực lượng Nhân dân, thì việc to mấy, khó mấy làm cũng được. Người phê phán những cán bộ, đảng viên sợ Nhân dân phê bình mình, họ không hiểu biết Nhân dân, họ quên rằng Nhân dân cần trông thấy lợi ích thiết thực, không thể lý luận suông, chính trị suông. *“Không yêu thương Nhân dân, họ chỉ biết đòi hỏi Nhân dân, không thiết thực giúp đỡ Nhân dân, thậm chí có nơi cán bộ lừa phỉnh dân, dọa nạt dân”<sup>1</sup>.*

Từ thực tế trên, Bác Hồ yêu cầu mỗi cán bộ, đảng viên: *“Đặt lợi ích của Đảng và của Nhân dân lao động lên trên, lên trước lợi ích riêng của cá nhân mình. Hết*

---

<sup>1</sup> Hồ Chí Minh Toàn tập, NXB Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2011, tập 7, tr.176-177.

*lòng hết sức phục vụ Nhân dân. Vì Đảng, vì dân mà đấu tranh quên mình, gương mẫu trong mọi việc*<sup>1</sup>. Người cách mạng phải đứng vững trên lập trường của giai cấp công nhân, để hết lòng hết sức đấu tranh cho chủ nghĩa xã hội, ngoài lợi ích của giai cấp công nhân và nhân dân lao động, Đảng ta không có lợi ích gì khác. Phận sự của đảng viên và cán bộ là phải tổ chức Nhân dân, lãnh đạo Nhân dân để giải phóng Nhân dân và nâng cao sinh hoạt, đời sống chính trị, kinh tế, văn hóa cho Nhân dân. Chăm lo đời sống Nhân dân là sứ mệnh của Đảng ngay từ khi ra đời. *“Đảng không phải là một tổ chức để làm quan phát tài. Nó phải làm tròn nhiệm vụ giải phóng dân tộc, làm cho Tổ quốc giàu mạnh, đồng bào sung sướng”*<sup>2</sup>.

---

<sup>1</sup> Hồ Chí Minh Toàn tập, NXB Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2011, tập 11, tr.603.

<sup>2</sup> Hồ Chí Minh Toàn tập, NXB Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2011, tập 5, tr.289.

Người dạy cán bộ, đảng viên tu dưỡng đạo đức không chỉ ở những việc lớn, mà phải quan tâm đến cuộc sống hàng ngày của Nhân dân, từ cái ăn, cái mặc, đi lại, học hành, việc làm, chữa bệnh... Phải biết tiết kiệm từng đồng tiền, hạt gạo của dân. Người cho rằng khi đất nước còn khó khăn, Nhân dân còn thiếu thốn thì Chủ tịch nước mặc áo vá là có phúc cho dân tộc. Sau Cách mạng Tháng Tám năm 1945, đất nước phải trải qua nạn đói khủng khiếp, Hồ Chí Minh chủ trương tăng gia sản xuất, mỗi người mười ngày nhịn ăn một bữa để góp gạo cứu đói và Người cũng đổ lon gạo của mình vào hũ tiết kiệm như mọi người dân.

Trong sự nghiệp kiến thiết nước nhà, Người cho rằng *“hễ còn có một người Việt Nam bị bóc lột, bị nghèo nàn, thì Đảng vẫn đau thương, cho đó là vì mình chưa*

làm tròn nhiệm vụ”<sup>1</sup>. Người nói: “Một ngày mà Tổ quốc chưa thống nhất, đồng bào còn chịu cực khổ là một ngày tôi ăn không ngon, ngủ không yên”<sup>2</sup>, Người biến tình thương thành trách nhiệm của bản thân.

Năm 1969, khi tiếp nhà báo Marta Rojas (báo Granma - cơ quan ngôn luận của Đảng Cộng sản Cuba), Bác đã tâm sự: “Mỗi người, mỗi gia đình đều có một nỗi đau khổ riêng và gộp cả những nỗi đau khổ riêng của mỗi người, mỗi gia đình lại thì thành nỗi đau khổ của tôi. Tôi nghĩ rằng, tôi chưa làm tròn nghĩa vụ cách mạng của tôi đối với đồng bào miền Nam. Mặc dù vậy, tôi biết rằng, đồng bào miền Nam vẫn yêu quý tôi như tôi yêu quý đồng bào. Ở miền Nam, tôi không phải là Chủ tịch Hồ Chí Minh mà là Bác Hồ”.

---

<sup>1</sup> Hồ Chí Minh Toàn tập, NXB Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2011, tập 12, tr.402.

<sup>2</sup> Hồ Chí Minh Toàn tập, NXB Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2011, tập 4, tr.470.

Là người luôn gương mẫu, nói đi đôi với làm, Bác Hồ nhắc cán bộ, đảng viên rằng, “gần dân” thì phải tăng cường tiếp xúc với dân. Đặc biệt, khi đi thăm dân, Người không muốn tiệt tùng tốn kém để mang tiếng với dân, Người cũng phê bình việc liên hoan chè chén, lu bù còn phổ biến ở nhiều địa phương, như bắt đầu cây cũng liên hoan, cấy xong cũng liên hoan, rồi huyện về điều tra cũng liên hoan, tiễn cán bộ huyện đi cũng liên hoan, cải tiến cũng liên hoan, nghe nói họp bàn về tiết kiệm cũng liên hoan mấy con lợn... Bác thường kể câu chuyện “có nơi Bác về thăm, cán bộ làm thật cả một con bò và bảo rằng “để chiêu đãi Hồ Chủ tịch”; thế là họ “ăn” cả Hồ Chủ tịch. Phải tích cực sửa chữa”<sup>1</sup>.

Suốt đời vì nước, vì dân, trước lúc đi xa, trong *Di chúc*, Người còn căn dặn: “Đảng

---

<sup>1</sup> Hồ Chí Minh Toàn tập, NXB Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2011, tập 15, tr.527.



*cần phải có kế hoạch thật tốt để phát triển kinh tế và văn hóa, nhằm không ngừng nâng cao đời sống của Nhân dân*<sup>1</sup>. Người lưu ý thực hiện những nhiệm vụ của thời hậu chiến, tức là sau khi cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của Nhân dân ta giành được thắng lợi, đó là: “*Đầu tiên là công việc đối với con người*”<sup>2</sup>. Đây là những lời dặn dò thể hiện tình nhân ái bao la, chủ nghĩa nhân văn trong sáng, sự biểu cảm của tư duy người cách mạng suốt đời hết lòng, hết sức chăm lo đời sống của tất cả mọi người, đặc biệt là những đối tượng dễ bị tổn thương trong xã hội.

## **2. Tư tưởng Hồ Chí Minh về chú trọng bồi dưỡng sức dân**

Tư tưởng lấy dân làm gốc đã trở thành truyền thống đạo lý xuyên suốt quá trình

---

<sup>1</sup> Hồ Chí Minh Toàn tập, NXB Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2011, tập 15, tr.612.

<sup>2</sup> Hồ Chí Minh Toàn tập, NXB Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2011, tập 15, tr.616.

lịch sử Việt Nam và được các bậc minh quân, trung thần, các bậc tiên nhân vận dụng rất thành công trong quá trình dựng nước và giữ nước. Thời nhà Lý, vua Lý Công Uẩn vì “trên vâng mệnh trời, dưới theo ý dân” mà dời đô về Thăng Long, cốt để “dân cư khỏi chịu cảnh khốn khổ”. Lý Thường Kiệt từng nói: “Đạo làm chủ dân cốt ở nuôi dân”<sup>1</sup>. Dưới triều nhà Trần, vua Trần Anh Tông bố cáo trước quần thần rằng: “Trẫm là cha mẹ dân, nếu thấy dân lâm than thì phải cứu giúp ngay”. Hưng Đạo Vương Trần Quốc Tuấn lại rất coi trọng việc “Khoan thư sức dân để làm kế sâu rễ bền gốc”, bởi “đó mới là thượng sách giữ nước”. Đại công thần Nguyễn Trãi luôn xem: “Việc nhân nghĩa cốt ở yên dân”. Việc coi trọng và tiết kiệm sức dân không chỉ là quy luật tồn vong của một chế độ, mà phải trở thành một

---

<sup>1</sup> Phật tống lộ bố văn - Lý Thường Kiệt.

đường lối, một chính sách trị nước tích cực của mọi chế độ chính trị.

Chủ tịch Hồ Chí Minh đã kế thừa những tư tưởng lớn ấy, Người đặt dân lên vị thế người làm chủ đất nước; trong tất cả mọi việc, kể cả huy động sức dân trước hết vẫn là vì chính lợi ích của dân, vì theo Người lợi ích của dân càng cao, sức dân càng mạnh. Chủ tịch Hồ Chí Minh thấu rõ vai trò lịch sử vĩ đại của Nhân dân, thấy được sức mạnh vô địch của Nhân dân. Người khẳng định: Cách mạng là sự nghiệp của quần chúng, quần chúng là động lực của cách mạng. Chính Nhân dân là lực lượng cách mạng đông đảo nhất, trực tiếp thực hiện đường lối cách mạng, biến đường lối cách mạng của Đảng thành hiện thực. Người còn nói: *“Lực lượng toàn dân là lực lượng vĩ đại hơn ai hết. Không ai chiến thắng được lực*

*lượng đở*<sup>1</sup>. Có được dân, thu phục được lòng dân là có tất cả, làm được tất cả, điều này đã trở thành phương pháp luận trong tư tưởng của Người: “*Để trăm lần không dân cũng chịu, khó vạn lần dân liệu cũng xong*”. Bởi sức mạnh của dân là vô địch, Người nói: “*Trong bầu trời không gì quý bằng nhân dân. Trong thế giới không gì mạnh bằng lực lượng đoàn kết của nhân dân*”<sup>2</sup>. Theo Chủ tịch Hồ Chí Minh, dân bao giờ cũng là gốc của nước, nước bao giờ cũng là của mọi người dân, còn cách mạng thì như con thuyền, Nhân dân trao cho Đảng trách nhiệm người cầm lái. Con thuyền cách mạng đi tới đích thắng lợi là nhờ vào sức dân. Chính những ý kiến, nguyện vọng, sáng kiến của Nhân dân là nguồn gốc hình thành đường lối cách

---

<sup>1</sup> Hồ Chí Minh tuyển tập, NXB Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2002, tập 2 (1945 - 1954), tr.10.

<sup>2</sup> Hồ Chí Minh Toàn tập, NXB Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2011, tập 10, tr.45.

mạng, đường lối đổi mới của Đảng. Cũng chính phong trào cách mạng của Nhân dân là yếu tố quan trọng nhất cụ thể hóa đường lối chính sách của Đảng, Nhà nước thành hiện thực. Sức mạnh đoàn kết của Nhân dân là lực lượng vô địch, “dân khí” mạnh thì không quân lính nào, súng ống nào có thể chống nổi.

Dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, của Chủ tịch Hồ Chí Minh, Nhân dân ta đã lần lượt đánh bại các nước đế quốc và phát xít, giành lại chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ, lập nên Nhà nước cách mạng, xây dựng chính quyền Nhân dân. Lực lượng làm nên những thắng lợi “lừng lẫy năm châu, chấn động địa cầu” ấy chỉ có thể là Nhân dân, bằng sức mạnh vô địch của quảng đại quần chúng Nhân dân. Giải phóng đất nước, giành lấy chính quyền đã khó, giữ lấy nước, bảo vệ chính quyền cách mạng

càng khó hơn. Nhưng theo Chủ tịch Hồ Chí Minh thì Nhân dân là gốc rễ của sự trường tồn: “*Gốc có vững cây mới bền, xây lâu thắng lợi trên nền nhân dân*”<sup>1</sup>. Đảng cầm quyền muốn giữ vững vai trò lãnh đạo, giữ được chế độ, bảo vệ chủ quyền quốc gia nhất thiết phải dựa vào dân, nhờ vào sức dân; mọi đường lối, chủ trương, chính sách cốt yếu phải vì Nhân dân. Mà muốn sức dân bền, sức dân mạnh thì điều cốt yếu là Đảng, Chính phủ phải chú trọng giữ gìn sức dân, tiết kiệm sức dân, không ngừng bồi dưỡng, nâng cao sức dân. Bồi dưỡng sức dân theo tư tưởng Hồ Chí Minh, đó là:

***Gìn giữ sức dân:*** Tức là giảm sự đóng góp của Nhân dân. Phải bồi dưỡng lực lượng cho dân nhiều hơn yêu cầu Nhân dân đóng góp. Ngay trong báo cáo trước Hội nghị lần thứ tư của Ban Chấp hành

---

<sup>1</sup> Hồ Chí Minh Toàn tập, NXB Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2011, tập 5, tr 502.

Trung ương Đảng, khóa II, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nêu rõ: “*Bảo vệ và phát triển việc sản xuất, thực hành tiết kiệm phải nhằm vào giảm nhẹ sự đóng góp của nhân dân và cải thiện đời sống của nhân dân*”. Trong bản Di chúc được sửa vào tháng 5/1968, Chủ tịch Hồ Chí Minh có ý đề nghị Đảng và Chính phủ “... *miễn thuế nông nghiệp 01 năm cho các hợp tác xã nông nghiệp để cho đồng bào hỉ hả, mát dạ, mát lòng, thêm niềm phấn khởi, đẩy mạnh sản xuất*”.

**An dân:** Phải làm sao để có được nhân hòa, bởi nhân hòa là quan trọng hơn hết. Nước ta là một nước dân chủ và Đảng “*phải là người đày tớ trung thành của Nhân dân*”<sup>1</sup>; “*Dân làm chủ thì Chủ tịch, bộ trưởng, thứ trưởng, ủy viên này khác là làm gì? Làm đày tớ. Làm đày tớ cho nhân*

---

<sup>1</sup> Hồ Chí Minh Toàn tập, NXB Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2011, tập 15, tr.617.

dân, chứ không phải là làm quan cách mạng”<sup>1</sup>; mọi công việc đều vì lợi ích của Nhân dân mà làm: “Muốn cho dân yêu, muốn được lòng dân, việc gì có lợi cho dân phải hết sức làm, việc gì có hại cho dân phải hết sức tránh. Phải giải quyết hết các vấn đề dầu khó đến đâu cũng mặc lòng, những vấn đề quan hệ tới đời sống nhân dân. Phải chấp đơn, phải xử kiện cho dân mỗi khi người ta đem tới... hết thảy những việc có thể nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của dân phải được ta đặc biệt chú ý”<sup>2</sup>. Muốn an dân thì mọi công việc của Đảng, Nhà nước phải được Nhân dân đồng ý, chung sức, chung lòng: “Đối với dân, ta đừng có làm gì trái ý dân. Dân muốn gì, ta phải làm nấy”<sup>3</sup>, bởi “Ý dân là ý trời. Làm

---

<sup>1</sup> Hồ Chí Minh Toàn tập, NXB Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2011, tập 10, tr.572.

<sup>2</sup> Hồ Chí Minh Toàn tập, NXB Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2011, tập 4, tr.51.

<sup>3</sup> Hồ Chí Minh Toàn tập, NXB Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2011, tập 4, tr.169.



*đúng ý nguyện của dân thì ắt thành. Làm trái ý nguyện của dân thì ắt bại. Đó là lời nói chí lý của thánh hiền đời xưa*<sup>1</sup>.

**Dưỡng dân:** Trong tư tưởng Hồ Chí Minh “Nhân dân luôn là tâm điểm của quá trình tư tưởng Hồ Chí Minh và sự quan tâm của Người đối với nhân dân không bị giới hạn trong các ranh giới địa lý. Mục đích của Người không chỉ là giải phóng đất nước mình khỏi sự thống trị ngoại bang mà trong chiều sâu tư tưởng của mình, bên cạnh mục đích giành độc lập dân tộc, Người còn mong ước đến sự công bằng, bình đẳng và no ấm cho nhân dân mình”<sup>2</sup>. Với Chủ tịch Hồ Chí Minh, chủ nghĩa xã hội đơn giản là “trước hết nhằm làm cho nhân dân lao động thoát

---

<sup>1</sup> Hồ Chí Minh Toàn tập, NXB Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2011, tập 10, tr.63.

<sup>2</sup> Geetesh Sharman: “Đáng cứu tinh của hòa bình, độc lập và hạnh phúc”, *Kỷ yếu Hội thảo khoa học quốc tế kỷ niệm 120 năm ngày sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh*, NXB Chính trị - Hành chính, Hà Nội, 2010, tr. 412 - 413.

*nạn bản cùng, làm cho mọi người có công ăn việc làm, được ấm no và sống một đời hạnh phúc*<sup>1</sup>. Mục tiêu mọi chính sách của Đảng và Nhà nước đều nhằm mục đích phục vụ Nhân dân, cán bộ, đảng viên phải vì dân phục vụ.

Bồi dưỡng và nâng cao sức dân là vừa lo cho dân có đời sống vật chất no đủ, vừa phải vun bồi đời sống tinh thần của Nhân dân ngày càng phong phú, hun đúc nhiệt huyết cách mạng của Nhân dân ngày càng lớn, tình yêu Tổ quốc ngày một cao, lòng nhiệt tình với chế độ ngày một dày. Trong Di chúc, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã căn dặn: *“Nhân dân lao động ta ở miền xuôi cũng như ở miền núi, đã bao đời chịu đựng gian khổ, bị chế độ phong kiến và thực dân áp bức, bóc lột, lại kinh qua nhiều năm chiến tranh. Tuy*

---

<sup>1</sup> Hồ Chí Minh Toàn tập, NXB Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2011, tập 10, tr17.

vậy, nhân dân ta rất anh hùng, dũng cảm, hăng hái, cần cù. Từ ngày có Đảng, nhân dân ta luôn đi theo Đảng, rất trung thành với Đảng”<sup>1</sup>. Do đó, “Đảng cần phải có kế hoạch thật tốt để phát triển kinh tế và văn hóa, nhằm không ngừng nâng cao đời sống của nhân dân”<sup>2</sup>. “Chính sách của Đảng và Chính phủ là phải hết sức chăm nom đến đời sống của nhân dân. Nếu dân đói là Đảng và Chính phủ có lỗi; nếu dân rét là Đảng và Chính phủ có lỗi; nếu dân dốt là Đảng và Chính phủ có lỗi; nếu dân ốm là Đảng và Chính phủ có lỗi”<sup>3</sup>. Đảng và Chính phủ phải có kế hoạch sẵn sàng, rõ ràng, chu đáo, để tránh khỏi bị động, thiếu sót và sai lầm. Nói cách khác, tất cả mọi việc liên quan

---

<sup>1</sup> Hồ Chí Minh Toàn tập, NXB Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2011, tập 15, tr.612.

<sup>2</sup> Hồ Chí Minh Toàn tập, NXB Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2011, tập 5, tr.622.

<sup>3</sup> Hồ Chí Minh Toàn tập, NXB Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2011, tập 9, tr.518.

đến dân, dù nhỏ hay lớn, Đảng và Chính phủ phải có trách nhiệm.

Bồi dưỡng sức dân theo tư tưởng Hồ Chí Minh tức là phải bảo đảm cho được vấn đề giữ sức dân, an dân và dưỡng dân. “Dân” là nội dung cốt lõi trong chủ nghĩa yêu nước và trong tư tưởng, đạo đức Hồ Chí Minh. Quan điểm đó bắt nguồn từ sự kế thừa truyền thống đạo lý nhân nghĩa của dân tộc và chủ nghĩa nhân văn cao cả của Người. Tư tưởng yêu thương dân, trọng dân, vì Nhân dân và chăm lo, bồi dưỡng sức dân của Chủ tịch Hồ Chí Minh là một bài học lớn, toàn diện mà toàn Đảng, toàn quân, toàn dân ta cần phải không ngừng học tập và làm theo.

## Phần thứ hai

**VẬN DỤNG TƯ TƯỞNG, ĐẠO ĐỨC,  
PHONG CÁCH HỒ CHÍ MINH VỀ THỰC HIỆN  
TIẾN BỘ, CÔNG BẰNG XÃ HỘI; CHÚ TRỌNG  
BỒI DƯỠNG SỨC DÂN, KHÔNG NGỪNG  
NÂNG CAO ĐỜI SỐNG VẬT CHẤT, TINH THẦN  
CỦA NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

I. QUAN ĐIỂM CỦA ĐẢNG VÀ  
VIỆC VẬN DỤNG TƯ TƯỞNG HỒ  
CHÍ MINH VỀ THỰC HIỆN TIẾN BỘ,  
CÔNG BẰNG XÃ HỘI; CHÚ TRỌNG  
BỒI DƯỠNG SỨC DÂN, KHÔNG  
NGỪNG NÂNG CAO ĐỜI SỐNG VẬT  
CHẤT, TINH THẦN CỦA NHÂN DÂN

1. Quan điểm của Đảng về thực  
hiện tiến bộ, công bằng xã hội; chú

## **trọng bồi dưỡng sức dân, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của Nhân dân**

Có thể nói, tiến bộ, công bằng xã hội là yếu tố gắn bó mật thiết với đời sống nhân loại trong mọi giai đoạn phát triển của lịch sử<sup>1</sup>; đồng thời, là một trong những nội dung quan trọng của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh. Hiện nay, việc thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội là chủ trương lớn của Đảng, thể hiện bản chất tốt đẹp của chế độ xã hội chủ nghĩa trong tiến trình cách mạng Việt Nam, vừa là mục tiêu, nhiệm vụ trong thực tiễn, vừa là động lực then chốt của sự phát triển; bảo đảm mọi thành viên xã hội được hưởng thụ tương xứng với những kết quả đóng góp trong lao động, cũng như kiến tạo sự bình đẳng trong tiếp cận các cơ hội, nguồn

---

<sup>1</sup> Đoàn Trường Thu: Quyên con người trong tiến bộ xã hội, NXB Lý luận chính trị, Hà Nội, 2018, tr.9.

lực để mỗi cá nhân có thể phát triển. Tiến bộ, công bằng xã hội, do đó, là trụ cột của sự phát triển bền vững.

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III của Đảng (năm 1960) và Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV của Đảng (năm 1976), Đảng ta đã đặt mục tiêu “*tiến nhanh, tiến mạnh, tiến vững chắc lên chủ nghĩa xã hội*”; Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI của Đảng (năm 1986), mối quan hệ giữa phát triển kinh tế với việc giải quyết các mục tiêu xã hội nhằm bảo đảm tiến bộ, công bằng xã hội được đặt ra: “*Trình độ phát triển kinh tế là điều kiện vật chất để thực hiện chính sách xã hội, nhưng những mục tiêu xã hội lại là mục đích của các hoạt động kinh tế*”<sup>1</sup>; do đó, cần “*thể hiện đầy đủ trong thực tế quan điểm của Đảng và Nhà nước về*

---

<sup>1</sup> Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI, NXB Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 1986, tr.86.

*sự thống nhất giữa chính sách kinh tế và chính sách xã hội, khắc phục thái độ coi nhẹ yếu tố con người trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội”<sup>1</sup>.*

Trong quá trình lãnh đạo Nhân dân xây dựng và bảo vệ đất nước, Đảng ta luôn nhất quán quan điểm đặt con người ở vị trí trung tâm; do đó, việc thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội luôn được nghiên cứu, cụ thể hóa trong từng chính sách, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội; tiếp tục nhận thức và giải quyết tốt mối quan hệ lớn giữa tăng trưởng kinh tế và phát triển văn hóa, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội, bảo vệ môi trường. Mặt khác, tiến bộ, công bằng xã hội còn hàm chứa nội dung bảo đảm cuộc sống ấm no, ổn định của mọi thành viên trong cộng đồng các dân tộc Việt Nam, đặc biệt là

---

<sup>1</sup> Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI, NXB Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 1986, tr.86.



những người yếu thế, nhóm xã hội có đời sống còn nhiều khó khăn; thực hiện an sinh xã hội theo phương châm “không để ai bị bỏ lại phía sau” gắn với chủ trương: “Nhà nước sử dụng thể chế, các nguồn lực, công cụ điều tiết, chính sách phân phối và phân phối lại để phát triển văn hóa, thực hiện dân chủ, tiến bộ và công bằng xã hội; bảo đảm an sinh xã hội, từng bước nâng cao phúc lợi xã hội, chăm lo cải thiện đời sống mọi mặt của nhân dân, thu hẹp khoảng cách giàu - nghèo”<sup>1</sup>.

Bước vào thời kỳ đổi mới, trong phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, nhằm bảo đảm vừa tăng trưởng kinh tế, vừa thực hiện công bằng xã hội, Đảng ta chủ trương phân phối theo lao động. Đến Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII của Đảng (năm 1991),

---

<sup>1</sup> Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII, Văn phòng Trung ương Đảng, Hà Nội, 2016, tr.269.

nguyên tắc phân phối đã được bổ sung hoàn thiện và xác định: *“phân phối theo kết quả lao động và hiệu quả sản xuất, kinh doanh là chính”*. Ba năm sau, Hội nghị đại biểu toàn quốc giữa nhiệm kỳ khoá VII (tháng 01/1994), Đảng nêu nguyên tắc *“phân phối theo lao động là chủ yếu, khuyến khích và đãi ngộ xứng đáng các tài năng; đồng thời phân phối theo nguồn vốn đóng góp vào sản xuất, kinh doanh”*. Đến Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX của Đảng (năm 2001), Đảng tiếp tục bổ sung: *“Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa thực hiện phân phối chủ yếu theo kết quả lao động và hiệu quả kinh tế, đồng thời phân phối theo mức đóng góp vốn và các nguồn lực khác vào sản xuất, kinh doanh và thông qua phúc lợi xã hội”*<sup>1</sup>. Đây là nguyên tắc phân phối công bằng phù hợp với điều

---

<sup>1</sup> Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX, NXB Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2001, tr.88.

kiện phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Thực tiễn cho thấy, việc thực hiện các nguyên tắc phân phối ngày càng công bằng này đã huy động mọi nguồn lực cho sản xuất, đó là một trong những cơ sở quan trọng của sự tăng trưởng kinh tế nhanh. Đây cũng chính là thể hiện tính ưu việt về thực hiện công bằng xã hội trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam hiện nay.

Trong “Chương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội” (năm 1991) nêu 06 đặc trưng cơ bản của chủ nghĩa xã hội mà Nhân dân ta xây dựng, trong đó nhấn mạnh: *“Có một nền kinh tế phát triển cao dựa trên lực lượng sản xuất hiện đại và chế độ công hữu về các tư liệu sản xuất chủ yếu... Con người được giải phóng khỏi áp bức, bóc lột, bất công, làm theo năng lực, hưởng theo lao*

*động, có cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc, có điều kiện phát triển toàn diện cá nhân”.*

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII của Đảng (năm 1991), Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 1991 - 2000 đã xác định: *“Tăng trưởng kinh tế, gắn liền với tiến bộ và công bằng xã hội, phát triển văn hóa và bảo vệ môi trường”*. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII của Đảng (năm 1996) nhấn mạnh: *“Tăng trưởng kinh tế gắn liền với tiến bộ và công bằng xã hội, giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc, bảo vệ môi trường sinh thái”*. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX của Đảng (năm 2001), Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X của Đảng (năm 2006) tiếp tục khẳng định quan điểm: *“Phát triển nhanh, hiệu quả và bền vững, tăng trưởng kinh tế đi đôi với thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội*

và bảo vệ môi trường”. Đến Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI của Đảng (năm 2011), sự phát triển nhanh và bền vững trở thành yêu cầu xuyên suốt, đồng thời, chỉ rõ tăng trưởng kinh tế phải đi đôi với thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội và bảo vệ môi trường<sup>1</sup>. Năm 2016, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng có nhiều bước phát triển mới về nhận thức, quan điểm, khi khẳng định: “*Phát triển nhanh và bền vững (hướng tới các mục tiêu phát triển bền vững đến năm 2030 của Liên hợp quốc); giải quyết hài hòa giữa tăng trưởng kinh tế với phát triển văn hóa, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội, bảo vệ môi trường*”<sup>2</sup>.

Đến Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng (năm 2021), Đảng ta chỉ rõ

---

<sup>1</sup> Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI, NXB Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2011, tr.21.

<sup>2</sup> Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII, NXB Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2016, tr.87.

cần tập trung “ưu tiên hoàn thiện đồng bộ, có chất lượng và tổ chức thực hiện tốt hệ thống luật pháp, cơ chế, chính sách nhằm tạo lập môi trường đầu tư kinh doanh thuận lợi, lành mạnh, công bằng”<sup>1</sup>; “chú trọng xây dựng thể chế, pháp luật và khuyến khích khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, phát triển kinh tế số, đồng thời, “phát triển đầy đủ, đồng bộ các yếu tố thị trường, các loại thị trường”<sup>2</sup>; thúc đẩy phát triển các mô hình kinh doanh mới, nâng cao hiệu quả hoạt động của các loại hình doanh nghiệp,... góp phần bảo đảm tiến bộ, công bằng trong tiếp cận các nguồn lực để phát triển kinh tế; từ đó, tạo cơ sở, điều kiện để thực hiện tiến bộ, công bằng về khía cạnh xã hội ở từng giai đoạn cụ thể.

---

<sup>1</sup> Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, NXB Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2021, tập I, tr.203.

<sup>2</sup> Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, NXB Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2021, tập I, tr.132.

Nhất quán tư tưởng đó, trong các kỳ Đại hội, Đảng ta tiếp tục khẳng định phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, song trong quá trình phát triển đó, con người vừa là trung tâm chiến lược, vừa là mục tiêu, động lực của sự phát triển: *“Thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội ngay trong từng bước và từng chính sách phát triển; tăng trưởng kinh tế đi đôi với phát triển văn hóa, y tế, giáo dục..., giải quyết tốt vấn đề xã hội vì mục tiêu phát triển con người”; “Gắn kết chặt chẽ, hài hòa giữa phát triển kinh tế với phát triển văn hóa và thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội, nâng cao đời sống của nhân dân”*.

Trong tác phẩm “Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về Chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên Chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam”, cố Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng một lần nữa nhấn mạnh mục tiêu mang

giá trị cao đẹp, nhân văn: “Xây dựng Chủ nghĩa xã hội là kiến tạo một kiểu xã hội mới về chất”; “Chúng ta cần một xã hội mà trong đó sự phát triển là thực sự vì con người, chứ không phải vì lợi nhuận mà bóc lột và chà đạp lên phẩm giá con người. Chúng ta cần sự phát triển về kinh tế đi đôi với tiến bộ và công bằng xã hội, chứ không phải gia tăng khoảng cách giàu nghèo và bất bình đẳng xã hội... Chúng ta cần sự phát triển bền vững, hài hòa với thiên nhiên để bảo đảm môi trường sống trong lành cho các thế hệ hiện tại và tương lai, chứ không phải để khai thác, chiếm đoạt tài nguyên, tiêu dùng vật chất vô hạn độ và huỷ hoại môi trường”.

Quan điểm của cố Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng là minh chứng hiện thực, sinh động, xoay quanh giá trị trung tâm không gì khác ngoài sự phát triển vì con người. Đây chính là những giá trị



đích thực của chủ nghĩa xã hội, cũng là mục tiêu, con đường mà Chủ tịch Hồ Chí Minh, Đảng ta và Nhân dân ta lựa chọn. Tổng Bí thư còn nhấn mạnh: *“Một đặc trưng cơ bản của định hướng xã hội chủ nghĩa trong kinh tế thị trường là... tăng trưởng kinh tế đi đôi với thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội ngay trong từng bước, từng chính sách và trong suốt quá trình phát triển”*. Điều đó có nghĩa là: không chờ đến khi kinh tế đạt tới trình độ phát triển cao rồi mới thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội, càng không “hy sinh” tiến bộ và công bằng xã hội để chạy theo tăng trưởng kinh tế đơn thuần. Điều này càng làm sáng tỏ hơn mục tiêu vì con người mà Đảng, Nhân dân ta hướng tới. Mục tiêu đó khác biệt về chất của sự phát triển kinh tế ở các nước tư bản chủ nghĩa.

Đến nay, đất nước chuyển mình bước vào thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện

đại hóa, phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, tăng cường mở rộng hợp tác quốc tế, hội nhập sâu với thế giới,... nhằm nâng cao tiềm lực kinh tế quốc gia, gia tăng thu nhập bình quân đầu người, bảo đảm tốt các chính sách an sinh, phúc lợi xã hội,... Chính vì vậy, việc thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội ở Việt Nam đạt được nhiều thành tựu, như kinh tế tăng trưởng nhanh, chất lượng được cải thiện; quyền làm chủ của Nhân dân được bảo đảm; văn hóa, giáo dục - đào tạo, khoa học - công nghệ được nâng cao; môi trường sinh thái được quan tâm, bảo vệ; con người có điều kiện hơn để phát triển về thể chất, trí tuệ, đạo đức, nghề nghiệp,...

Bên cạnh đó, nhằm xây dựng đất nước ngày một giàu đẹp, văn minh và phát triển bền vững, cần bảo đảm sự hài hòa giữa phát triển kinh tế đi đôi với tiến bộ, công bằng xã hội, thu hẹp khoảng cách

giàu nghèo và bất bình đẳng xã hội; cần xây dựng một xã hội nhân ái, đoàn kết, tương trợ lẫn nhau, hướng tới các giá trị tiến bộ, nhân văn, chứ không phải cạnh tranh bất công “cá lớn nuốt cá bé” vì lợi ích vị kỷ của một số ít cá nhân và các phe nhóm<sup>1</sup>; đồng thời, xác định rõ “đặc trưng cơ bản, một thuộc tính quan trọng của định hướng xã hội chủ nghĩa trong kinh tế thị trường ở Việt Nam là phải gắn kinh tế với xã hội, thống nhất chính sách kinh tế với chính sách xã hội, tăng trưởng kinh tế đi đôi với thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội ngay trong từng bước, từng chính sách và trong suốt quá trình phát triển. Điều đó có nghĩa là: không chờ đến khi kinh tế đạt tới trình độ phát triển cao rồi mới thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội, càng không “hy sinh” tiến bộ và công

---

<sup>1</sup> Nguyễn Phú Trọng: Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam, NXB Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2022, tr.21.

bằng xã hội để chạy theo tăng trưởng kinh tế đơn thuần”<sup>1</sup>. Đó cũng là những giá trị đích thực của chủ nghĩa xã hội.

## **2. Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh trong thực hiện công bằng xã hội ở Việt Nam hiện nay**

Quan điểm của Chủ tịch Hồ Chí Minh về chăm lo đời sống Nhân dân đã được Đảng và Nhà nước ta vận dụng, cụ thể hóa trong Hiến pháp, Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (bổ sung, phát triển năm 2011), trong chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm, 05 năm và kế hoạch hàng năm; thể hiện trong từng chế độ, chính sách phát triển kinh tế, xây dựng đời sống văn hóa, xã hội của đất nước, vì một nước Việt Nam dân giàu, nước mạnh,

---

<sup>1</sup> Nguyễn Phú Trọng: Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam, NXB Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2022, tr.27.

dân chủ, công bằng, văn minh. Tư tưởng Hồ Chí Minh về công bằng xã hội, cốt lõi là quan điểm công bằng về cơ hội phát triển, tiếp tục định hướng cho đường lối phát triển của Việt Nam, hướng tới mục tiêu “*dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh*”.

Quan điểm của Đảng về động lực và mục tiêu phát triển đất nước luôn dựa trên cơ sở kế thừa và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh về công bằng xã hội. Cùng với sự tổng kết quá trình phát triển đất nước qua gần 40 năm đổi mới cả về lý luận và thực tiễn, Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng khái quát: “*Gắn kết giữa tăng trưởng kinh tế với thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội; phát huy nhân tố con người, lấy nhân dân làm trung tâm; phát huy vai trò của văn hóa - nền tảng tinh thần của xã hội, là mục tiêu, động lực của sự phát triển*”.

Nhằm thực hiện công bằng về cơ hội phát triển, Đảng ta luôn nhấn mạnh về mục tiêu “kép” của công bằng xã hội, cả về phương diện hiệu quả kinh tế và hiệu quả xã hội, đều tập trung cho mục tiêu phát triển con người. Tháng 7/1962, tại cuộc họp Bộ Chính trị bàn về công tác kiểm tra kế hoạch nhà nước, Chủ tịch Hồ Chí Minh nhấn mạnh: *“Ta phải tìm cách nào, nếu cần có thể giảm bớt một phần xây dựng để giải quyết vấn đề ăn và mặc cho nhân dân được tốt hơn nữa, đừng để cho tình hình đời sống căng thẳng quá. Vấn đề con người là hết sức quan trọng. Nhà máy cũng rất cần có thêm, có sớm, nhưng cần hơn là con người... Phải làm cho quần chúng hiểu chủ nghĩa xã hội đúng hơn. Phải quan tâm đến đời sống quần chúng và giáo dục quần chúng”*<sup>1</sup>.

---

<sup>1</sup> Hồ Chí Minh, Biên niên tiểu sử, NXB Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 1995, tập 8, tr.550-551.

Để đạt được “mục tiêu kép” của công bằng về cơ hội phát triển, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng không chỉ nhấn mạnh tới vai trò của Nhà nước, mà còn coi trọng: *“Phát huy vai trò của các tổ chức xã hội, xã hội - nghề nghiệp tham gia hình thành và điều tiết các quan hệ kinh tế thị trường. Xử lý tốt những bất cập của cơ chế thị trường, bảo đảm phúc lợi và an sinh xã hội, quốc phòng, an ninh và bảo vệ môi trường sinh thái”*.

Những nội dung về thực hiện công bằng xã hội được Đại hội đại biểu lần thứ XIII của Đảng đề cập cũng chính là quan điểm mà Chủ tịch Hồ Chí Minh đã chỉ rõ từ rất sớm: *“Nước ta là một nước thống nhất gồm nhiều dân tộc. Các dân tộc sống trên đất nước Việt Nam đều bình đẳng về quyền lợi và nghĩa vụ”*<sup>1</sup>.

---

<sup>1</sup> Hồ Chí Minh Toàn tập, NXB Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2011, tập 2, tr.37.

Đây cũng chính là cơ sở để chúng ta phấn đấu sớm hoàn thành các mục tiêu theo Chương trình nghị sự 2030 vì sự phát triển bền vững của Liên hợp quốc, được Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng nhấn mạnh: *“Phát triển vì con người, tạo điều kiện cho mọi người, nhất là trẻ em, nhóm yếu thế, đồng bào dân tộc thiểu số, người di cư hòa nhập, tiếp cận bình đẳng nguồn lực, cơ hội phát triển và hưởng thụ công bằng các dịch vụ xã hội cơ bản. Tiếp tục hoàn thiện và thực hiện các chính sách dân tộc bình đẳng, đoàn kết, cùng phát triển”*.

Để giữ vững định hướng xã hội chủ nghĩa trong các chính sách xã hội, bảo đảm công bằng về cơ hội phát triển, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng đặc biệt chú trọng tăng cường quản lý phát triển xã hội bền vững, bảo đảm tiến bộ và công bằng xã hội, tính bền vững



trong chính sách xã hội, nhất là phúc lợi xã hội, an ninh xã hội, an ninh con người. Đại hội đề ra định hướng: “*Quản lý phát triển xã hội có hiệu quả, nghiêm minh, bảo đảm an sinh xã hội, an ninh con người; thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội*”<sup>1</sup>; bảo đảm chính sách lao động, việc làm, thu nhập, thực hiện tốt phúc lợi xã hội, an sinh xã hội. Đại hội cũng xác định phải “*xây dựng các chính sách xã hội và quản lý phát triển xã hội phù hợp, giải quyết hài hòa các quan hệ xã hội*”<sup>2</sup>. Như vậy, quản lý phát triển xã hội bền vững bao gồm cả quản lý phát triển an sinh xã hội bền vững trên cơ sở phát triển hệ thống an sinh xã hội toàn diện, tiến tới bao phủ toàn dân với các chính sách phòng ngừa, giảm thiểu và khắc phục rủi

---

<sup>1</sup> Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, NXB Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2021, tập I, tr.116.

<sup>2</sup> Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, NXB Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2021, tập I, tr.148.

ro cho người dân, bảo đảm trợ giúp xã hội cho các nhóm đối tượng yếu thế.

Đồng thời, phải dự báo đúng xu hướng biến đổi cơ cấu xã hội ở nước ta trong những năm tới, để từ đó xây dựng các chính sách xã hội và quản lý phát triển xã hội phù hợp với điều kiện phát triển của đất nước; đồng thời, xử lý hài hòa các quan hệ xã hội, kiểm soát sự phân tầng xã hội và xử lý kịp thời, hiệu quả các rủi ro, mâu thuẫn, xung đột xã hội, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của Nhân dân.

Đặc biệt, trên cơ sở gắn với mục tiêu phát triển toàn diện con người và lấy Nhân dân làm trung tâm, Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng tiếp tục nhấn mạnh: *“Gắn chính sách phát triển kinh tế với chính sách xã hội, quan tâm lĩnh vực công tác xã hội, nâng cao chất lượng cuộc sống của nhân*

dân. *Đổi mới cơ chế, huy động phân bổ và đa dạng hóa các nguồn lực thực hiện chính sách xã hội phù hợp với nhu cầu, lợi ích của các tầng lớp dân cư, nhóm xã hội, bảo đảm bình đẳng về cơ hội phát triển, nhất là với lao động khu vực phi chính thức*”.

Có thể khẳng định, quan điểm Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng về thực hiện công bằng về cơ hội phát triển là sự kế thừa tư tưởng Hồ Chí Minh, tiếp tục tập trung vào mục tiêu phát triển toàn diện con người và Nhân dân làm trung tâm, trên cơ sở nhất quán lấy hiệu quả kinh tế của công bằng xã hội làm tiền đề để thực hiện công bằng về hiệu quả xã hội. Những quan điểm cụ thể trong thực hiện công bằng xã hội với cốt lõi là công bằng về cơ hội phát triển, như: *“Phát triển hệ thống an sinh xã hội toàn diện, tiến tới bao phủ toàn dân với*

*các chính sách phòng ngừa, giảm thiểu và khắc phục rủi ro cho người dân, bảo đảm trợ giúp cho các nhóm đối tượng yếu thế. Cải cách hệ thống bảo hiểm xã hội đa tầng dựa trên nguyên tắc đóng - hưởng, chia sẻ - bền vững. Triển khai đồng bộ các giải pháp giảm nghèo đa chiều, bền vững, bảo đảm mức sống tối thiểu và các dịch vụ cơ bản. Nâng cao chất lượng xây dựng nông thôn mới, triển khai có hiệu quả chương trình phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2020 - 2030, thu hẹp khoảng cách giàu - nghèo giữa các vùng, miền, dân tộc”, tiếp tục là sự khẳng định cho mục tiêu phát triển bền vững ở nước ta trong điều kiện mới.*

Thực tế, các chủ trương, chính sách về phát triển kinh tế - xã hội của Đảng và Nhà nước trong gần 40 năm đổi mới đã luôn hướng tới mục tiêu không ngừng

nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của Nhân dân. Theo đó, đời sống Nhân dân tiếp tục được cải thiện; phát triển văn hóa, thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội đạt được những kết quả tích cực; công tác bảo vệ, chăm sóc sức khỏe Nhân dân được chú trọng... Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025 được Quốc hội phê duyệt chủ trương đầu tư tại Nghị quyết số 24/2021/QH15 ngày 28/7/2021 với tổng vốn tối thiểu là 75.000 tỷ đồng, gồm 07 dự án với 11 tiểu dự án và được thực hiện trên địa bàn cả nước. Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, báo cáo nêu giai đoạn 2021 - 2025 được Quốc hội thông qua chủ trương tại Nghị quyết số 25/2021/QH15 ngày 28/7/2021 với tổng kinh phí tối thiểu là 196.332 tỷ đồng, gồm 06 chuyên đề trọng tâm và thực hiện trên địa bàn 63 tỉnh, thành phố. Chương trình mục tiêu quốc gia phát

triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi được Quốc hội phê duyệt Chủ trương đầu tư tại Nghị quyết số 120/2020/QH14 ngày 19/6/2020 có kinh phí tối thiểu làm tròn là 137.664 tỷ đồng, gồm 10 dự án, 14 tiểu dự án thực hiện trên địa bàn 49 tỉnh. Đây là những chương trình góp phần từng bước đặt nền móng cho sự phát triển bền vững của Việt Nam trong tương lai.

Đặc biệt, trong bối cảnh dịch bệnh Covid-19 vừa qua, Đảng, Chính phủ đã quyết định nhiều chính sách hỗ trợ dành cho đối tượng người nghèo, các hộ nghèo, hộ cận nghèo, đối tượng bảo trợ xã hội là những người có thu nhập thấp. Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tổ chức Lễ phát động toàn dân tham gia ủng hộ phòng, chống dịch Covid-19 kêu gọi các cơ quan, đơn vị, tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân trong và ngoài nước, đồng

bào ta ở nước ngoài với tình cảm, trách nhiệm tích cực tham gia ủng hộ phòng, chống dịch Covid-19. Qua đó, không những bảo đảm cuộc sống của người dân, giúp họ khắc phục những khó khăn do đại dịch Covid-19 gây ra mà còn thể hiện chính sách đầy nhân văn của Đảng, Nhà nước, Chính phủ, sự chăm lo kịp thời đối với người nghèo, người lao động mất việc, thể hiện được bản chất tốt đẹp của xã hội.

Nghị quyết Đại hội lần thứ XIII của Đảng đã xác định phấn đấu đến năm 2025, nước ta là nước đang phát triển, có công nghiệp theo hướng hiện đại, vượt qua mức thu nhập trung bình thấp; đến năm 2030, là nước đang phát triển, cơ bản có công nghiệp hiện đại, thu nhập trung bình cao; đến năm 2045, trở thành nước phát triển, thu nhập cao. Điều này thể hiện khát vọng hướng tới tương lai của Đảng, cả dân tộc nhằm thực hiện thành

công mong muốn của Chủ tịch Hồ Chí Minh chăm lo đời sống vật chất và tinh thần của Nhân dân ngày một tốt hơn.

## **II. MỘT SỐ NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP TRONG TÂM NHẪM THỰC HIỆN TIẾN BỘ, CÔNG BẰNG XÃ HỘI; CHÚ TRỌNG BỒI DƯỠNG SỨC DÂN, KHÔNG NGỪNG NÂNG CAO ĐỜI SỐNG VẬT CHẤT, TINH THẦN CỦA NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

**1. Những chính sách, chương trình đột phá của thành phố Đà Nẵng nhằm thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội; bồi dưỡng sức dân, không ngừng nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân thành phố**

Với mục tiêu phát triển vì con người, Đà Nẵng đã đề ra nhiều chủ trương, chính sách lớn xuất phát từ nhu cầu của đại đa số quần chúng nhân dân và được thể hiện cụ thể qua các chương trình



hành động lớn. Ngày 05/12/2000, Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng có Quyết định số 129/2000/QĐ-UB về ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình thành phố “5 không”<sup>1</sup>: “Không có hộ đói, không người mù chữ, không người lang thang xin ăn, không người nghiện ma túy trong cộng đồng, không giết người để cướp của”. Đến năm 2005, thành phố tiếp tục đề ra chương trình “3 Có”: “Có nhà ở, có việc làm, có nếp sống văn hóa, văn minh đô thị”. Năm 2016, thành phố đề ra Chương trình “4 An”: “An ninh trật tự, an toàn giao thông, an toàn thực phẩm, an sinh xã hội”<sup>2</sup>. Đây là các chương trình mang đậm

---

<sup>1</sup> Từ năm 2009, mục tiêu “không có hộ đói” và “không có người mù chữ” được điều chỉnh thành “không có hộ đặc biệt nghèo” và “không có học sinh bỏ học”.

<sup>2</sup> Chương trình đã đạt được kết quả nhất định ở các lĩnh vực như: Xử lý các điểm đen giao thông, nút giao thông tránh ùn tắc và tăng cường lực lượng kiểm tra xử phạt trên 200.000 trường hợp; đã thành lập Ban quản lý An toàn thực phẩm độc lập, lực lượng kiểm tra được tăng cường, tập trung xử lý những vấn đề bức xúc về thực phẩm không

tính nhân văn, đột phá, là nét son trong xây dựng và phát triển văn hóa của thành phố; chưa có địa phương nào trong cả nước đề ra và làm nên “thương hiệu” Đà Nẵng.

Thời gian qua, thành phố ưu tiên dành nhiều nguồn lực thỏa đáng cho công tác an sinh xã hội, duy trì các chương trình thành phố “5 không”, “3 có”, “4 an”. Theo đó, thành phố có nhiều chính sách hỗ trợ vượt trội hơn so với chính sách khung của Trung ương, được Nhân dân ủng hộ cao như: Chương trình “Không có hộ nghèo có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn giai đoạn 2022-2025”; nâng mức chuẩn trợ cấp xã hội; mức hỗ trợ đối với người có công; sửa chữa, xây dựng nhà cho đối tượng chính sách, hộ nghèo; mở rộng đối tượng thụ hưởng chính sách đối với người cao tuổi, người thuộc hộ cận nghèo,... Đặc biệt,

---

rõ nguồn gốc xuất xứ, chất cấm trong sản xuất, chế biến thực phẩm... Nhờ vậy, hạn chế thấp nhất tình trạng ngộ độc thức ăn, sử dụng hóa chất trong chế biến thực phẩm...

thành phố có nhiều chính sách nhân văn, ý nghĩa như: miễn 100% học phí năm học 2022 - 2023, 2023-2024 cho trẻ mầm non và học sinh các trường phổ thông công lập; hỗ trợ phẫu thuật tim cho trẻ em bị bệnh tim bẩm sinh; chính sách thu hút bác sĩ cho các cơ sở y tế công lập; chính sách hỗ trợ cán bộ y tế tại các cơ quan, đơn vị y tế công lập...

Thành phố thực hiện chính sách giảm nghèo bền vững, trong giai đoạn 2019-2023, thành phố hai lần nâng chuẩn nghèo cao hơn chuẩn Trung ương. Nhiều giải pháp giảm nghèo được thực hiện đồng bộ, giúp 13.963 lượt hộ nghèo còn sức lao động thoát nghèo. 100% các đối tượng yếu thế được tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản. Cuối năm 2023, thành phố còn 4.167 hộ nghèo còn sức lao động (tỷ lệ 1,39%), hoàn thành mục tiêu giảm nghèo giai đoạn 2019 - 2023. Thực hiện đề án

“Có việc làm”, thành phố ban hành nhiều chính sách phát triển thị trường lao động, xây dựng các mô hình giải quyết việc làm, hỗ trợ vay vốn, hỗ trợ doanh nghiệp đào tạo nghề và giải quyết việc làm cho người lao động. Mục tiêu giải quyết việc làm cho 34.000 - 35.000 lao động/năm, tỷ lệ việc làm tăng thêm 4,5-5%/năm. Kết quả, giai đoạn 2019 - 2023, số việc làm mới được tạo ra bình quân hằng năm là 12.850 người. Riêng năm 2023, thành phố đã giải quyết việc làm cho hơn 36.500 lao động, đạt 104,3% kế hoạch; tỷ lệ lao động làm việc trong nền kinh tế tăng thêm 4,75%, vượt chỉ tiêu; tỷ lệ thất nghiệp đến cuối năm 2023 giảm còn 2,5%. Qua đó, góp phần thực hiện hiệu quả Nghị quyết số 06/NQ-CP ngày 10/01/2023 của Chính phủ về phát triển thị trường lao động, linh hoạt, hiện đại, hiệu quả, bền vững và hội nhập nhằm phục hồi nhanh kinh tế - xã hội trên địa bàn thành phố.

Năm 2024, thành phố tiếp tục hỗ trợ xây mới 73 nhà, sửa chữa 423 nhà cho người có công với cách mạng. Vừa qua, UBND thành phố ban hành quyết định phê duyệt và bổ sung kinh phí dự toán xây mới, sửa chữa nhà ở cho người có công cách mạng với tổng số tiền 17,07 tỷ đồng để các địa phương kịp thời chi hỗ trợ cho các hộ. Không chỉ đối tượng người có công, từ ngày 01/7/2024, thành phố nâng mức hỗ trợ xây mới nhà Đại đoàn kết cho hộ nghèo lên 80 triệu đồng/nhà (trước đây là 50 triệu đồng/nhà), trong đó, từ nguồn ngân sách thành phố hỗ trợ 40 triệu đồng/nhà và nguồn Quỹ “Vì người nghèo” các cấp thành phố hỗ trợ 40 triệu đồng/nhà<sup>1</sup>; hỗ trợ sửa chữa nhà ở cho hộ

---

<sup>1</sup> Nghị quyết số 105/2023/NQ-HĐND ngày 14/12/2023 của HĐND thành phố Nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 75/2021/NQ-HĐND ngày 17/12/2021 của HĐND thành phố quy định về chính sách hỗ trợ hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo trên địa bàn thành phố.

nghèo lên tối đa 30 triệu đồng/nhà (trước đây là 20 triệu đồng/nhà); cấp miễn phí 35.000 thẻ bảo hiểm y tế cho người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo; giải ngân cho 1.200 hộ vay vốn.; chi trả hỗ trợ hàng tháng cho 750 người nghèo bị bệnh hiểm nghèo mức 500.000 - 600.000 đồng/người/tháng; hỗ trợ 2.900 người nghèo thuộc đối tượng bảo trợ xã hội, người già yếu, ốm đau thường xuyên mức 300.000 - 500.000 đồng/người/tháng; 850 người từ 75 tuổi đến dưới 80 tuổi thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo được hỗ trợ 400.000 đồng/người/tháng; chi trả hỗ trợ tiền điện hàng tháng cho hơn 7.244 hộ nghèo với mức 60.000 đồng/hộ/tháng...

Ngày 09/9/2024, UBND thành phố Đà Nẵng ban hành văn bản số 4954/UBND-SLĐTBXH về đẩy mạnh thực hiện chương trình thành phố “5 không”, “3 có”, “4 an” nhằm nâng cao chất lượng các

chương trình thành phố “5 không”, “3 có”, “4 an”; tiếp tục đẩy mạnh tuyên truyền về vai trò, vị trí, tầm quan trọng của các Chương trình thành phố “5 không”, “3 có”, “4 an”; các mô hình, cách làm hay có hiệu quả. Đồng thời, đổi mới nội dung, phương pháp tuyên truyền với hình thức đa dạng phù hợp, thiết thực với từng đối tượng nhằm nâng cao nhận thức và hành động của cả hệ thống chính trị và toàn xã hội tạo sự đồng thuận chung tay thực hiện tốt các Chương trình trên.

Trong đó, nghiên cứu nâng mức chuẩn trợ giúp xã hội của thành phố, mở rộng đối tượng khó khăn khác phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội của thành phố; khẩn trương triển khai điều chỉnh nâng mức chuẩn trợ cấp, phụ cấp ưu đãi người có công theo quy định; đề xuất mở rộng ngành, nghề đào tạo nghề, đẩy mạnh ứng dụng chuyển đổi số trong giáo dục

nghề nghiệp; có giải pháp thực hiện phân luồng học sinh sau THCS, THPT vào học các trình độ giáo dục nghề nghiệp; tăng cường thực hiện các giải pháp giải quyết việc làm, đưa lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng, chú trọng giải quyết việc làm cho thanh niên, lao động trung niên, lao động đặc thù và lao động yếu thế.

Tập trung triển khai có hiệu quả Chương trình phát triển nhà ở; Đề án đầu tư xây dựng ít nhất 1 triệu căn hộ nhà ở cho đối tượng thu nhập thấp, công nhân khu công nghiệp giai đoạn 2021-2030; Đề án xây dựng các khu chung cư xã hội bố trí cho gia đình người có công cách mạng có khó khăn về nhà ở giai đoạn 2020-2025, nhất là ưu tiên bố trí cho thuê đối với người có công cách mạng, hộ nghèo có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn. Tiếp tục hoàn thiện chính sách



giảm nghèo, tham mưu tổng kết Chương trình mục tiêu Quốc gia giảm nghèo giai đoạn 2021-2025, xây dựng Kế hoạch điều tra trình HĐND thành phố mức chuẩn nghèo đa chiều của thành phố giai đoạn 2026-2030.

Sau khi Bộ Chính trị ban hành Nghị quyết số 43-NQ/TW ngày 24/01/2019 về “Xây dựng và phát triển thành phố Đà Nẵng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045” (Nghị quyết số 43-NQ/TW), Thành ủy Đà Nẵng đã ban hành Chương trình số 39-CTr/TU ngày 31/01/2020 về “Xây dựng, phát triển Đà Nẵng thành trung tâm văn hóa, giáo dục - đào tạo, y tế chuyên sâu, chất lượng cao gắn với thực hiện tốt các chính sách an sinh xã hội, hướng đến xây dựng thành phố đáng sống” đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045”; trong đó, thành phố đã ưu tiên đầu tư nguồn lực vào lĩnh vực như

văn hóa, xã hội, giáo dục - đào tạo, y tế nhằm nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân thành phố. Hệ thống giáo dục và đào tạo, y tế, chăm sóc sức khỏe Nhân dân được quan tâm đầu tư và nâng cao chất lượng. Nhiều việc làm mới được tạo ra; tỷ lệ hộ nghèo đạt mức thấp; công bằng xã hội được bảo đảm. Khoa học công nghệ có bước phát triển, nghiên cứu, đào tạo thiết kế trong lĩnh vực vi mạch bán dẫn và phát triển trí tuệ nhân tạo được chú trọng... Công tác quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường và thích ứng với biến đổi khí hậu có nhiều chuyển biến tích cực.

Một trong những mục tiêu của Nghị quyết số 43-NQ/TW của Bộ Chính trị là xây dựng Đà Nẵng trở thành là một trong những trung tâm văn hóa - thể thao lớn của cả nước và khu vực. Thời gian qua, thành phố triển khai nhiều giải pháp để

thực hiện hiệu quả phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” và Đề án “Xây dựng nếp sống văn hóa - văn minh đô thị”, góp phần nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của Nhân dân. Hệ thống thiết chế văn hóa - thể thao cơ sở được triển khai theo quy hoạch trên địa bàn từng quận, huyện và bước đầu phát huy hiệu quả.

Nghị quyết Đại hội lần thứ XXII Đảng bộ thành phố đã xác định tầm nhìn đến năm 2030 là “Xây dựng thành phố Đà Nẵng trở thành một trong những trung tâm kinh tế - xã hội lớn của cả nước, hướng đến đô thị sinh thái, hiện đại, thông minh và đáng sống; người dân có mức sống thuộc nhóm địa phương dẫn đầu cả nước với chất lượng cuộc sống tốt, thân thiện, hạnh phúc và sáng tạo; quốc phòng, an ninh và chủ quyền biển, đảo được đảm bảo vững chắc”.

Hiện nay, cả hệ thống chính trị thành phố đang nỗ lực thực hiện Kết luận số 79-KL/TW ngày 13/5/2024 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 43-NQ/TW của Bộ Chính trị, Nghị quyết số 136/2024/QH15 ngày 26/6/2024 của Quốc hội về “Tổ chức chính quyền đô thị và thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển thành phố Đà Nẵng” (Nghị quyết số 136/2024/QH15) và Kết luận số 47-KL/TW ngày 15/11/2024 của Bộ Chính trị về “Xây dựng Trung tâm tài chính khu vực và quốc tế tại Việt Nam”. Trong đó, thí điểm thành lập Khu thương mại tự do gắn với Cảng biển Liên Chiểu, Trung tâm tài chính khu vực tại Đà Nẵng, các chính sách về quản lý đầu tư; quy hoạch, đô thị; phát triển du lịch, ngành, nghề ưu tiên thu hút nhà đầu tư chiến lược; đầu tư phát triển vi mạch bán dẫn, trí tuệ nhân tạo, đổi mới sáng tạo... là những nội dung nổi trội.

Theo đánh giá của các chuyên gia, nhờ “cú hích” cơ chế, chính sách đặc thù, Đà Nẵng sẽ trở thành trung tâm tài chính, công nghệ cao, thương mại, du lịch, dịch vụ cao cấp mang tầm quốc tế, đồng thời là nơi thu hút vốn FDI và khách quốc tế. Từ đó, kinh tế, du lịch, dịch vụ, thương mại sẽ có sức bật ngoạn mục trong thời gian tới. Dự báo, đi cùng những dòng vốn đầu tư liên tục đổ vào Đà Nẵng sẽ là đội ngũ nhân lực “nhập cư” chất lượng cao, đội ngũ chuyên gia, doanh nhân quốc tế đến an cư, làm việc lâu dài tại thành phố đáng sống.

Có thể nói rằng, trong những năm qua, với sự vào cuộc quyết liệt của cả hệ thống chính trị, cùng với sự đồng thuận của người dân đã làm nên sự thay đổi kỳ diệu về diện mạo đô thị, đời sống vật chất, tinh thần người dân được nâng cao, tạo nên một hình ảnh Đà Nẵng an bình,

thân thiện, đáng sống. Với sự nỗ lực, quyết tâm của lãnh đạo thành phố trong việc xây dựng, phát triển thành phố lên một tầm cao mới, ngày càng khang trang, hiện đại hơn, chắc chắn rằng, trong tương lai gần người dân thành phố sẽ thụ hưởng những thành quả đáng tự hào và công tác an sinh xã hội sẽ còn được chăm lo tốt hơn nữa.

**2. Một số nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội; bồi dưỡng sức dân, không ngừng nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân thành phố Đà Nẵng**

Việc thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội; chú trọng bồi dưỡng sức dân, không ngừng nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của Nhân dân là nhiệm vụ chính trị trung tâm, là thước đo và tiêu chí đánh giá sự hoàn thành trách nhiệm của Đảng và Nhà nước đối với Nhân dân. Vì vậy,

để tiếp tục học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh, nhất là về “Thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội; chú trọng bồi dưỡng sức dân, không ngừng nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân thành phố Đà Nẵng”, cần tập trung thực hiện tốt một số nhiệm vụ trọng tâm:

***2.1. Nâng cao nhận thức về thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội; chú trọng bồi dưỡng sức dân, không ngừng nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của Nhân dân cả từ phía Đảng, Nhà nước và người dân***

Nâng cao nhận thức của các cấp, các ngành; phát huy tối đa vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu cấp ủy, chính quyền các cấp trong thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội; chú trọng bồi dưỡng sức dân, không ngừng nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của Nhân dân. Đẩy mạnh

công tác kiểm tra, giám sát của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội và các cơ quan dân cử về việc thực hiện các chính sách, quy định của pháp luật có liên quan, nhất là trong việc thực hiện các chế độ, chính sách nhằm nâng cao đời sống của Nhân dân.

Nâng cao nhận thức của đội ngũ cán bộ, đảng viên của toàn bộ hệ thống chính trị phải luôn đặt lợi ích của Nhân dân lên hàng đầu trong quá trình thực thi nhiệm vụ, chức trách của mình. Cần quán triệt, khơi gợi tinh thần “hết lòng hết sức phụng sự Tổ quốc, phục vụ Nhân dân”, thực sự “vì hạnh phúc của Nhân dân” trong cán bộ, công chức, đảng viên để trong mỗi hành vi, tham mưu, đề xuất của mình đều quan tâm đến lợi ích của Nhân dân. Từ đó, chất lượng cuộc sống của Nhân dân có được sự quan tâm, chăm sóc, bảo vệ.



Các cấp ủy, tổ chức đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội và các tầng lớp nhân dân quán triệt đầy đủ tư tưởng Hồ Chí Minh về bài học “Dân là gốc”, “Dân là chủ”, không ngừng nâng cao nhận thức và tổ chức thực hiện tốt chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, thể hiện sự quyết tâm cao trong việc chăm lo và cải thiện đời sống của Nhân dân, coi đây là nhiệm vụ quan trọng hàng đầu, tạo động lực để Nhân dân thực hiện nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, xây dựng Đảng và chính quyền vững mạnh. Không ngừng xây dựng, bồi đắp ý thức chính trị, năng lực thực hiện quyền con người, thực hành dân chủ xã hội chủ nghĩa.

Hệ thống chính sách, pháp luật về phúc lợi xã hội phải bảo đảm chủ động, tích cực và có tính xã hội hóa cao. Tăng cường vai trò của Nhà nước, phải huy

động mọi nguồn lực của xã hội, nâng cao trách nhiệm và năng lực tự an sinh của mỗi cá nhân, gia đình và cộng đồng; vừa trợ giúp kịp thời, hiệu quả trong việc bảo đảm mức sống tối thiểu của người dân, vừa góp phần quan trọng thúc đẩy xóa đói, giảm nghèo, không ngừng nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của Nhân dân. Thực hiện tốt chính sách ưu đãi và trợ giúp xã hội, chú trọng bảo đảm quyền con người, lấy con người làm trung tâm, góp phần ổn định, nâng cao chất lượng cuộc sống cho các đối tượng yếu thế nhằm rút ngắn khoảng cách về mức sống và mức độ tiếp cận các nguồn lực xã hội khác thông qua các giải pháp tiếp cận cơ hội bình đẳng.

Chú trọng hoàn thành các mục tiêu phát triển toàn diện con người, đặt vị trí, quyền lợi của người dân làm trung tâm trên cơ sở nhất quán lấy hiệu quả kinh

tế và bảo đảm công bằng xã hội làm tiền đề để thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội. Xác định quan điểm cụ thể trong thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội với cốt lõi là công bằng về cơ hội phát triển, thực hiện phát triển hệ thống an sinh xã hội toàn diện, tiến tới bao phủ toàn dân với các chính sách phòng, ngừa, giảm thiểu và khắc phục rủi ro cho người dân, bảo đảm trợ giúp cho các nhóm đối tượng yếu thế.

Tăng cường các hoạt động hỗ trợ người nghèo, nhóm người yếu thế trong tiếp cận với giáo dục nhằm tạo dựng sinh kế bền vững cho các đối tượng này. Bên cạnh đó, bối cảnh mới tạo ra nhiều nhóm lợi ích với nhu cầu khác nhau nên cần có sự quan tâm, chú trọng đến nguyện vọng của các nhóm xã hội; đa dạng hóa các hình thức để tranh thủ, tận dụng ý kiến của các chuyên gia từng lĩnh vực trong quá trình xây dựng, ban hành các chính sách.

Cải cách hệ thống bảo hiểm xã hội đa tầng dựa trên nguyên tắc đóng - hưởng, chia sẻ - bền vững; đồng thời, triển khai “đồng bộ các giải pháp giảm nghèo đa chiều, bền vững, bảo đảm mức sống tối thiểu và các dịch vụ cơ bản. Nâng cao chất lượng xây dựng nông thôn mới, triển khai có hiệu quả chương trình phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2020 - 2030, thu hẹp khoảng cách giàu - nghèo giữa các vùng, miền, dân tộc”<sup>1</sup>.

## ***2.2. Phát triển kinh tế luôn gắn với giải quyết hiệu quả các vấn đề xã hội nhằm hướng đến tiến bộ, công bằng xã hội***

Phát triển kinh tế là cơ sở để giải quyết tốt các vấn đề xã hội và đến lượt mình, giải quyết có hiệu quả các vấn đề xã hội

---

<sup>1</sup> Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, NXB Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2021, tập I, tr.150.

góp phần thúc đẩy kinh tế phát triển. Do đó, để hiện thực hóa khát vọng “đất nước phồn vinh, Nhân dân hạnh phúc”, trước hết là phát triển kinh tế bảo đảm sự phát triển bền vững; khuyến khích làm giàu hợp pháp góp phần thúc đẩy phân tầng xã hội hợp thức, xử lý nghiêm túc đối với hành vi làm giàu bất chính.

Đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở nông thôn nhằm góp phần thu hẹp chênh lệch giàu nghèo. Tăng cường liên kết vùng trên mọi lĩnh vực bảo đảm chia sẻ các nguồn lực, giảm thiểu sự chênh lệch giữa các vùng trong quá trình phát triển. Xây dựng các chính sách xã hội bảo đảm công bằng cơ hội cho các nhóm xã hội.

Hoàn thiện hệ thống chính sách và pháp luật bảo đảm tính khả thi, hiệu quả và công bằng. Hoạch định và thực thi chính sách xã hội bảo đảm tính bao trùm, dựa trên nguyên tắc bảo đảm quyền con

người và bình đẳng giới. Tiếp tục thực hiện có hiệu quả các chính sách an sinh xã hội, giảm nghèo bền vững; giải quyết việc làm và nâng cao thu nhập cho người dân. Xây dựng môi trường xã hội thân thiện, xây dựng bộ quy tắc ứng xử giữa con người với con người, con người với tự nhiên.

Đẩy mạnh phát triển kinh tế, xã hội, nhất là thực hiện có hiệu quả 3 Chương trình mục tiêu quốc gia, đem lại kết quả thiết thực, thực chất cho người dân. Tiếp tục hoàn thiện chính sách an sinh xã hội phù hợp với quá trình phát triển kinh tế - xã hội; hoàn thiện, bổ sung cơ chế, chính sách đặc thù, bảo đảm các nhóm yếu thế được tiếp cận đầy đủ dịch vụ xã hội cơ bản. Bổ sung, hoàn thiện cơ chế, chính sách, quy hoạch, đầu tư nâng cấp hệ thống an sinh xã hội bảo đảm tính đa dạng, toàn diện, phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội

và khả năng huy động, cân đối nguồn lực của Nhà nước.

Đa dạng hóa các nguồn lực, đẩy mạnh xã hội hóa, thực hiện công khai, minh bạch trong khai thác, quản lý, sử dụng nguồn lực thực hiện chính sách xã hội, phát triển hệ thống an sinh xã hội. Tạo cơ chế, chính sách để các doanh nghiệp và người dân nâng cao tiềm lực vật chất, tài chính, thích ứng được với cơ chế thị trường và hội nhập quốc tế, bao gồm cả chính sách “khoan thư sức dân”, bồi dưỡng sức dân “không để ai bị bỏ lại phía sau”, nâng cao chất lượng nguồn lực con người.

***2.3. Đầu tư phát triển văn hoá, con người đồng bộ, ngang tầm với phát triển kinh tế; thực hiện tốt phúc lợi xã hội và an sinh xã hội, đưa hình ảnh thành phố Đà Nẵng văn minh, đậm đà bản sắc dân tộc đến gần hơn với bạn bè quốc tế***

Ưu tiên nguồn lực thích đáng để đầu tư phát triển văn hóa tương xứng với phát triển kinh tế, để văn hóa thực sự là nền tảng tinh thần của xã hội, là động lực của sự phát triển. Coi trọng phát triển văn hóa, con người, đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững, hài hòa giữa phát triển kinh tế và văn hóa, xã hội. Xây dựng đời sống văn hóa phong phú, bản sắc, có hệ thống thiết chế văn hóa tương xứng với trình độ phát triển kinh tế. Giải quyết tốt các vấn đề xã hội phát sinh; mọi chủ trương, chính sách cần phải nhất quán và luôn đặt lợi ích người dân lên hàng đầu; đẩy mạnh thực thi có hiệu quả các chính sách đậm tính nhân văn, nhất là các chương trình thành phố “5 không”, “3 có”, “4 an”, xây dựng thành phố “đáng sống”, hình thành các giá trị bản sắc riêng, phù hợp với truyền thống, lịch sử, văn hóa của người Đà Nẵng.



Xây dựng môi trường văn hóa, đạo đức xã hội lành mạnh, văn minh và “nếp sống văn hoá - văn minh đô thị”; hình thành các giá trị bản sắc riêng, phù hợp với truyền thống, văn hóa con người Đà Nẵng. Phát triển con người Đà Nẵng toàn diện, tuân thủ pháp luật, hội nhập quốc tế và có giá trị bản sắc riêng. Chú trọng đầu tư xây dựng các hoạt động, sự kiện lễ hội văn hóa mang thương hiệu Đà Nẵng tầm quốc gia và khu vực nhằm nâng cao đời sống tinh thần và hưởng thụ văn hóa của người dân thành phố gắn với phát triển ngành du lịch. Bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hoá dân tộc, các di tích, danh lam, thắng cảnh gắn với phát triển công nghiệp văn hoá, công nghiệp giải trí; nghiên cứu các sản phẩm văn hóa mới, có tiềm năng liên kết phát triển trong khu vực vùng Bắc Trung Bộ và Duyên hải Trung Bộ.

Đầu tư hoàn thiện mạng lưới y tế, nâng cao chất lượng dịch vụ khám, chữa bệnh, nhất là chăm sóc sức khỏe chuyên sâu, dịch vụ y tế chất lượng cao và mô hình kết hợp giữa du lịch và khám, chữa bệnh; có cơ chế để thu hút các nguồn lực trong và ngoài nước đầu tư vào các lĩnh vực y tế chuyên sâu, chất lượng cao. Thúc đẩy việc thành lập các bệnh viện, trung tâm chuyên khoa sâu ứng dụng kỹ thuật cao từ nhiều nguồn vốn, nhất là nguồn vốn ngoài ngân sách.

Đặc biệt chú trọng, nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao; giáo dục - đào tạo được xác định là quốc sách hàng đầu. Ưu tiên nguồn lực, hợp tác quốc tế về phát triển khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo. Xây dựng môi trường văn hóa, nghệ thuật, thể dục, thể thao lành mạnh; đẩy mạnh đầu tư phát triển văn hóa, văn

học - nghệ thuật. Nâng cao chất lượng và thực hiện có hiệu quả các chính sách xã hội trên địa bàn, nhất là các chương trình thành phố “5 không”, “3 có”, “4 an”.

Mở rộng mạng lưới, quy mô giáo dục và đào tạo; đẩy mạnh xã hội hoá giáo dục; duy trì thực hiện chính sách hỗ trợ miễn học phí đối với trẻ em mầm non, học sinh phổ thông trên địa bàn.

***2.4. Tiếp tục tập trung lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện mục tiêu tiến bộ và công bằng xã hội hướng đến chăm lo quyền và lợi ích chính đáng của Nhân dân; thực hiện tốt chính sách ưu đãi và trợ giúp xã hội, chú trọng bảo đảm quyền con người, lấy con người làm trung tâm, góp phần ổn định, nâng cao chất lượng đời sống Nhân dân***

Chú trọng đổi mới và cơ cấu lại hệ thống dạy nghề, hệ thống giáo dục nghề

nghiệp, bảo đảm hợp lý về quy mô, ngành nghề, cấp độ đào tạo, gắn với nâng cao chất lượng đào tạo, đáp ứng nhu cầu lao động có chuyên môn kỹ thuật cao cho thị trường lao động trong nước và quốc tế. Thực hiện đồng bộ các chính sách, các chương trình, dự án phát triển kinh tế xã hội nhằm tạo thêm nhiều việc làm mới cho người lao động; tăng cường, đa dạng hóa các hoạt động giao dịch việc làm, tạo ra nhiều kênh kết nối cung - cầu lao động, tạo điều kiện thuận lợi để thị trường lao động phát triển bền vững.

Thực hiện đầy đủ, kịp thời các chính sách, chế độ ưu đãi đối với người có công và gia đình chính sách, người có công với cách mạng. Đẩy mạnh các phong trào “Đền ơn đáp nghĩa”, tiếp tục tăng cường huy động mọi nguồn lực trong xã hội, cộng đồng cùng Nhà nước chăm lo tốt hơn đời sống vật chất, tinh thần của người có

công. Bảo đảm mức sống của gia đình chính sách và người có công ngang bằng hoặc cao hơn so với mức sống trung bình của cộng đồng dân cư.

Chú trọng triển khai thực hiện đồng bộ các chính sách, chương trình, dự án về giảm nghèo đa chiều, bền vững, bảo đảm mức sống tối thiểu và các dịch vụ cơ bản, tập trung hỗ trợ các địa bàn khó khăn. Vận động, khai thác tốt các nguồn lực xã hội hóa, các nguồn tài trợ quốc tế để đầu tư cho công tác giảm nghèo; ưu tiên đầu tư phát triển kinh tế, văn hóa - xã hội các xã vùng khó khăn, giảm dần chênh lệch về kinh tế, đời sống của Nhân dân giữa các vùng.

Quan tâm huy động các nguồn lực xã hội chăm lo các đối tượng khó khăn, người già cô đơn không nơi nương tựa, người tàn tật, trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn; tăng cường quản lý Nhà nước về bình đẳng giới, thực hiện đồng

bộ các giải pháp để công tác bình đẳng giới ngày càng đi vào chiều sâu; tiếp tục quan tâm nâng cao năng lực, thực hiện toàn diện các mặt công tác nhằm bảo vệ và chăm sóc trẻ em. Tăng cường phát triển, xã hội hóa các dịch vụ trợ giúp xã hội trên địa bàn tỉnh; tiếp tục duy trì, nhân rộng các hoạt động mang tính xã hội nhằm huy động các nguồn lực đóng góp của cộng đồng hỗ trợ cho gia đình nghèo, hoạn nạn, hỗ trợ khắc phục hậu quả thiên tai. Thực hiện tốt công tác cứu trợ đột xuất, bảo đảm người dân bị thiệt hại khi gặp rủi ro, thiên tai được hỗ trợ kịp thời.

***2.5. Tập trung rà soát hoàn thiện quy hoạch, cơ chế, chính sách đặc thù, tạo lập môi trường đầu tư kinh doanh thuận lợi, lành mạnh; huy động, quản lý và sử dụng có hiệu quả mọi nguồn lực cho sự phát triển của***

## ***thành phố, góp phần nâng cao chất lượng đời sống nhân dân thành phố***

Phối hợp chặt chẽ với các bộ, ngành trong triển khai hiệu quả Nghị quyết số 43-NQ/TW của Bộ Chính trị, Nghị quyết số 136/2024/QH15 của Quốc hội. Đẩy mạnh cơ cấu lại nền kinh tế gắn với đổi mới mạnh mẽ mô hình tăng trưởng, lấy khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo là động lực chính, phát triển kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn. Xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại, chú trọng phát triển hạ tầng thông tin, viễn thông, từng bước hình thành hệ sinh thái sử dụng công nghệ số, kinh tế số phát triển, tạo nền tảng thúc đẩy phát triển các ngành, lĩnh vực mới.

Kiểm soát lạm phát, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế; tiếp tục từng bước thực hiện cơ cấu lại nền kinh tế phù hợp với mục tiêu tăng trưởng; rà soát, nghiên cứu

các động lực tăng trưởng mới; nâng cao năng lực nội tại, tính tự lực, tự chủ, khả năng chống chịu và thích ứng của nền kinh tế thành phố. Thực hiện đồng bộ, hiệu quả các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh. Chú trọng phát triển các lĩnh vực văn hóa, giáo dục toàn diện cùng với phát triển kinh tế; kiểm soát hiệu quả các loại dịch bệnh. Bảo đảm an sinh xã hội, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của Nhân dân. Đẩy mạnh phát triển hạ tầng số, công dân số, kinh tế số, các hoạt động khoa học, công nghệ; công tác thông tin, truyền thông; khởi nghiệp và đổi mới, sáng tạo. Triển khai có hiệu quả Quy hoạch thành phố Đà Nẵng thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050. Tiếp tục đẩy mạnh cải cách hành chính, sắp xếp bộ máy, tăng cường kỷ luật, kỷ cương, nâng cao trách nhiệm của cán bộ, công chức, viên chức, nhất là người đứng đầu. Tăng cường ứng



dụng công nghệ thông tin trong quản lý nhà nước, xây dựng chính quyền, nâng cao thứ hạng các chỉ số PCI, PAR Index, PAPI, SIPAS. Chú trọng công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực. Bảo đảm an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội. Nâng cao hiệu quả hoạt động đối ngoại, công tác xúc tiến đầu tư, nhất là vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài.

## ***2.6. Xây dựng và bảo vệ vững chắc Tổ quốc kết hợp chặt chẽ phát triển kinh tế - xã hội với bảo đảm quốc phòng, an ninh trên địa bàn thành phố***

Quán triệt, triển khai toàn diện, có hiệu quả các quan điểm, đường lối, chiến lược quân sự, quốc phòng, an ninh, bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới. Tập trung nguồn lực đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, phương tiện, trang bị quốc phòng, an ninh; công trình phòng thủ, công trình

chiến đấu, hệ thống phòng thủ dân sự đồng bộ, thống nhất, ưu tiên công trình phòng thủ trên tuyến biên giới biển.

Thường xuyên điều chỉnh, bổ sung quyết tâm, kế hoạch tác chiến phòng thủ, kế hoạch động viên quốc phòng và kế hoạch ở các trạng thái quốc phòng phù hợp với quy hoạch, tình hình phát triển kinh tế - xã hội của thành phố. Xây dựng lực lượng vũ trang thành phố vững mạnh toàn diện, có sức chiến đấu cao, phấn đấu đến năm 2025 cơ bản hoàn thành việc tổ chức, biên chế theo hướng “tinh, gọn, mạnh”.

Kiên quyết, kiên trì và tích cực đấu tranh bảo vệ vững chắc chủ quyền quốc gia trên Biển Đông và huyện Hoàng Sa theo công ước và luật pháp quốc tế. Tiếp tục quan tâm đầu tư xây dựng cơ sở 2 Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng thành phố và khu kiểm soát liên hợp tại Cảng Liên

Chiều tạo thuận lợi để phát triển kinh tế - xã hội gắn với quốc phòng, an ninh.

***2.7. Phối hợp chặt chẽ với các cơ quan Trung ương và đẩy mạnh liên kết, hợp tác phát triển với các tỉnh, thành trong khu vực miền Trung - Tây Nguyên, tạo không gian kinh tế thống nhất, hỗ trợ lẫn nhau để thúc đẩy phát triển Vùng***

Triển khai thực hiện có hiệu quả Quy hoạch vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải Trung Bộ, vùng kinh tế động lực miền Trung, Quyết định số 359/QĐ-TTg ngày 15/3/2021 của Thủ tướng Chính phủ về “Điều chỉnh quy hoạch chung thành phố đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045”, Quyết định số 1287/QĐ-TTg ngày 02/11/2023 của Thủ tướng Chính phủ về “Phê duyệt Quy hoạch thành phố thời kỳ 2021 -2030, tầm nhìn đến năm 2050” với các giải pháp đồng bộ, đột phá gắn liền

với các cơ chế, chính sách đặc thù theo Nghị quyết số 136/2024/QH15 của Quốc hội. Phối hợp xây dựng chính sách đặc thù về phát triển vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải Trung Bộ theo Nghị quyết số 26-NQ/TW ngày 03/11/2022 của Bộ Chính trị về “Phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải Trung Bộ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045” (Nghị quyết số 26-NQ/TW) và Nghị quyết số 168/NQ-CP ngày 29/12/2022 về ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 26-NQ/TW.

Xây dựng, tổ chức thực hiện Quy hoạch vùng và quy hoạch từng địa phương trong vùng giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn 2050, tạo cơ sở pháp lý để các địa phương trong vùng liên kết, hợp tác; là công cụ điều phối, quản lý thống nhất vùng và

các tiểu vùng; phân công rõ vai trò, chức năng, nhiệm vụ trên cơ sở chuyên môn hóa cao phù hợp với lợi thế so sánh của các địa phương và các tiểu vùng. Quy hoạch vùng và quy hoạch các địa phương phải có tầm nhìn tổng thể, dài hạn cùng với các giải pháp đột phá, mở rộng không gian và nguồn lực cho phát triển; bảo đảm gắn kết giữa phát triển các khu kinh tế ven biển, khu công nghiệp với các khu du lịch và dịch vụ; giữa phát triển đô thị với xây dựng nông thôn mới; giữa phát triển kinh tế với bảo vệ tài nguyên, môi trường biển, thích ứng với biến đổi khí hậu, bảo tồn và phát huy các giá trị di sản văn hóa, lịch sử và hệ sinh thái biển, đảo, rừng; phát huy hiệu quả các hành lang kinh tế, nhất là hành lang kinh tế Đông - Tây; nâng cao hiệu quả hoạt động của các cảng biển, cảng hàng không, khu kinh tế cửa khẩu...

Cùng với các tỉnh, thành trong khu vực đề xuất với Trung ương có cơ chế đặc thù để phát triển “Vùng kinh tế trọng điểm miền Trung”, trong đó Đà Nẵng là hạt nhân của chuỗi đô thị và là cực tăng trưởng của Vùng kinh tế trọng điểm miền Trung - Tây Nguyên.

## KẾT LUẬN

Quán triệt sâu sắc, toàn diện và đồng bộ hơn nữa tư tưởng Hồ Chí Minh và đường lối, chủ trương, quan điểm của Đảng ta, đặc biệt là quan điểm của Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng và Đại hội đại biểu lần thứ XXII Đảng bộ thành phố về thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội; bồi dưỡng sức dân, không ngừng nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân thành phố Đà Nẵng.

Nghị quyết Đại hội lần thứ XIII của Đảng cũng xác định các mục tiêu cụ thể: “Phấn đấu đến năm 2025, nước ta là nước đang phát triển, có công nghiệp theo hướng hiện đại, vượt qua mức thu nhập trung bình thấp; đến năm 2030, là nước đang phát triển, cơ bản có công nghiệp hiện đại,

thu nhập trung bình cao; đến năm 2045, trở thành nước phát triển, thu nhập cao”. Có thể thấy những mục tiêu này thể hiện khát vọng hướng tới tương lai của cả dân tộc nhằm thực hiện thành công ý nguyện của Chủ tịch Hồ Chí Minh là xây dựng nước ta “đàng hoàng hơn, to đẹp hơn” chăm lo đời sống vật chất và tinh thần của Nhân dân ngày một tốt hơn; đồng thời khẳng định, khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, Nhân dân ấm no, hạnh phúc.

Tư tưởng Hồ Chí Minh về thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội; bồi dưỡng sức dân, không ngừng nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của Nhân dân là một bài học lớn, toàn diện mà toàn Đảng, toàn quân, toàn dân ta cần phải không ngừng học tập và làm theo.

Thực hiện tốt chuyên đề “Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh về thực hiện tiến bộ, công



bằng xã hội; bồi dưỡng sức dân, không ngừng nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân thành phố Đà Nẵng” là một chủ trương, giải pháp hữu hiệu để thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội lần thứ XIII của Đảng, Nghị quyết số 43-NQ/TW của Bộ Chính trị; Nghị quyết Đại hội lần thứ XXII Đảng bộ thành phố và nghị quyết đại hội đảng bộ các cấp. Toàn thể cán bộ, đảng viên và các tầng lớp nhân dân thành phố nguyện ra sức học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh, để thành phố Đà Nẵng trở thành một trong những trung tâm kinh tế - xã hội lớn của cả nước, hướng đến đô thị sinh thái, hiện đại, thông minh và đáng sống; người dân có mức sống thuộc nhóm địa phương dẫn đầu cả nước với chất lượng cuộc sống tốt, thân thiện, hạnh phúc và sáng tạo; quốc phòng, an ninh và chủ quyền biển, đảo được bảo đảm vững chắc.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Hồ Chí Minh Toàn tập, NXB Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2011.

2. Đảng Cộng sản Việt Nam: Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII, NXB Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2016.

3. Nghị quyết số 43-NQ/TW ngày 24/01/2019 của Bộ Chính trị về “Xây dựng và phát triển thành phố Đà Nẵng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045”.

4. Nghị quyết số 119/2020/QH14 ngày 19/6/2020 của Quốc hội về “Thí điểm tổ chức mô hình chính quyền đô thị và một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển thành phố Đà Nẵng”.

5. Nghị quyết số 26-NQ/TW ngày 03/11/2022 của Bộ Chính trị về “Phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Bắc Trung Bộ và

duyên hải Trung Bộ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045”.

6. Kết luận 79-KL/TW ngày 13/5/2024 của Bộ Chính trị về “Tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 43-NQ/TW của Bộ Chính trị (khóa XII) về xây dựng và phát triển thành phố Đà Nẵng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045”.

7. Nghị quyết 136/2024/QH15 ngày 26/6/2024 của Quốc hội về “Tổ chức chính quyền đô thị và thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển thành phố Đà Nẵng”.

8. Báo cáo số 596-BC/TU ngày 28/10/2024 của Ban Thường vụ Thành ủy Đà Nẵng về tình hình triển khai thực hiện các nghị quyết, kết luận của Bộ Chính trị từ đầu nhiệm kỳ 2020 - 2025 đến nay.

9. Lịch sử Đảng bộ thành phố Đà Nẵng (1975 - 2015), NXB Đà Nẵng, 2016.



# MỤC LỤC

LỜI GIỚI THIỆU ..... 03

**Phần thứ nhất: TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ THỰC HIỆN TIẾN BỘ, CÔNG BẰNG XÃ HỘI VÀ CHĂM LO ĐỜI SỐNG NHÂN DÂN..... 09**

**I. TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ THỰC HIỆN TIẾN BỘ, CÔNG BẰNG XÃ HỘI ..... 09**

1. Độc lập dân tộc mới có tiến bộ, công bằng xã hội ..... 10

2. Tư tưởng Hồ Chí Minh về tiến bộ công bằng xã hội trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội..... 18

**II. TƯ TƯỞNG, ĐẠO ĐỨC, PHONG CÁCH HỒ CHÍ MINH VỀ CHĂM LO ĐỜI SỐNG NHÂN DÂN..... 29**

1. Tư tưởng Hồ Chí Minh về chăm lo đời sống Nhân dân ..... 29

2. Tư tưởng Hồ Chí Minh về chú trọng bồi dưỡng sức dân..... 41

**Phần thứ hai: VẬN DỤNG TƯ TƯỞNG, ĐẠO ĐỨC, PHONG CÁCH HỒ CHÍ MINH VỀ THỰC HIỆN TIẾN BỘ, CÔNG BẰNG XÃ HỘI; CHÚ TRỌNG BỒI DƯỠNG SỨC DÂN, KHÔNG NGỪNG NÂNG CAO ĐỜI SỐNG VẬT CHẤT, TINH THẦN CỦA NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG..... 53**

I. QUAN ĐIỂM CỦA ĐẢNG VÀ VIỆC VẬN DỤNG TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ THỰC HIỆN TIẾN BỘ, CÔNG BẰNG XÃ HỘI; CHÚ TRỌNG BỒI DƯỠNG SỨC DÂN, KHÔNG NGỪNG NÂNG CAO ĐỜI SỐNG VẬT CHẤT, TINH THẦN CỦA NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG ..... 53

1. Quan điểm của Đảng về thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội; chú trọng bồi dưỡng sức dân, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân ..... 53

2. Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh trong thực hiện công bằng xã hội ở Việt Nam hiện nay..... 68

II. MỘT SỐ NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP TRỌNG  
TÂM NHẪM THỰC HIỆN TIẾN BỘ, CÔNG  
BẰNG XÃ HỘI; CHÚ TRỌNG BỒI DƯỠNG  
SỨC DÂN, KHÔNG NGỪNG NÂNG CAO ĐỜI  
SỐNG VẬT CHẤT, TINH THẦN CỦA NHÂN  
DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG ..... 80

1. Những chính sách, chương trình đột phá  
của thành phố Đà Nẵng nhằm thực hiện tiến  
bộ, công bằng xã hội; bồi dưỡng sức dân, không  
ngừng nâng cao đời sống vật chất, tinh thần  
của nhân dân thành phố..... 80

2. Một số nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm  
thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội; bồi dưỡng  
sức dân, không ngừng nâng cao đời sống vật  
chất, tinh thần của nhân dân thành phố  
Đà Nẵng ..... 94

KẾT LUẬN..... 119

TÀI LIỆU THAM KHẢO ..... 122

**HỌC TẬP VÀ LÀM THEO TƯ TƯỞNG,  
ĐẠO ĐỨC, PHONG CÁCH HỒ CHÍ MINH**  
**VỀ THỰC HIỆN TIẾN BỘ, CÔNG BẰNG XÃ HỘI;  
CHÚ TRỌNG BỒI DƯỠNG SỨC DÂN, KHÔNG NGỪNG  
NÂNG CAO ĐỜI SỐNG VẬT CHẤT, TINH THẦN CỦA  
NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**  
BAN TUYÊN GIÁO THÀNH ỦY ĐÀ NẴNG

---

**NHÀ XUẤT BẢN THÔNG TẤN**

**Trụ sở chính:** 79 Lý Thường Kiệt, Hoàn Kiếm, Hà Nội  
**Điện thoại** (024) 39332279/ (043) 9332281, **Fax:** (024) 39332276  
**Chi nhánh phía Nam:** 116-118 Nguyễn Thị Minh Khai,  
phường 6, quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh  
**Điện thoại** (028) 39302826, **Fax:** (028) 39306471  
**Email:** nhaxuatbanthongtan@vnanet.vn  
**Website:** <http://sachthongtan.vn>

**Chịu trách nhiệm xuất bản, nội dung**  
Giám đốc, Tổng Biên tập Phùng Thị Mỹ

**Biên tập**  
Trịnh Lê Nam

**Thiết kế trình bày:** Lê Hoàng Quý  
**Sửa bản in:** Vũ Văn Đăng

*Liên kết xuất bản:* Ban Tuyên giáo Thành ủy Đà Nẵng  
*Địa chỉ:* 98 Lê Lợi, Q. Hải Châu, TP. Đà Nẵng

---

In 4.000 bản, khổ 10 x 14,2 cm. In tại Trung tâm In - Ảnh Thông  
tấn tại Đà Nẵng, Cơ quan TTXVN khu vực MT-TN. Địa chỉ: Số  
28 Lê Thánh Tôn, Q. Hải Châu, TP. Đà Nẵng

Giấy ĐKXB số: .....  
Quyết định xuất bản số: .....cấp ngày...tháng...năm..... In xong  
và nộp lưu chiểu tháng.....năm.....  
Mã ISBN:.....